

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2016



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Đình Danh

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư,

Năm 2016 thực sự là một thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam bởi những vấn đề nội tại còn ngổn ngang trong khi diễn biến quốc tế xảy ra bất thường, khó đoán; Theo như ủy ban tài chính giám sát quốc gia, bất chấp khó khăn và thách thức, Việt Nam tiếp tục đảm bảo và duy trì cân đối vĩ mô, lạm phát cơ bản chỉ ở mức 1.8%, lạm phát chung chỉ ở mức 4%. Tăng trưởng kinh tế năm 2016 đã được hỗ trợ tích cực từ hệ thống tài chính, với tổng nguồn vốn cung ứng cho nền kinh tế tăng 15.7% so với năm 2015 tương đương 170% GDP.

Theo Văn phòng Thống kê Trung ương, trong năm 2016 tăng trưởng kinh tế Việt Nam cả năm đạt 6.2%, giảm 0.5% so với năm 2015. Đây là lần đầu tiên trong 4 năm, Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm kinh tế; tuy vậy, vẫn có những điểm sáng trong năm 2016.

Với kết quả ước năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam dự kiến đạt 349.2 tỷ USD, tăng 6.6% so với năm 2015. Trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu 12 tháng của năm 2016 ước đạt 175.94 tỷ USD,

tăng 8.6%, và tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 173.26 tỷ USD, tăng 4.6%. Tính chung cả năm 2016, Việt Nam dự kiến xuất siêu 2.68 tỷ USD, ngược lại với xu hướng nhập siêu lên tới 3.55 tỷ USD của năm 2015.

Môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong năm nay. Theo Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2016 do Ngân hàng Thế giới thực hiện cho thấy, xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam 2016 tăng tới 9 bậc, xếp thứ 82/189 quốc gia được xếp hạng. Trong đó, Chỉ số bảo vệ nhà đầu tư thiếu số tăng tới 31 bậc; Chỉ số nộp thuế của Việt Nam đã tăng 5 bậc, từ vị trí 173/189 lên vị trí 168/189.

Đối mặt với nhiều khó khăn và biến động khó lường của nền kinh tế trong năm 2016, toàn thể ban điều hành Công ty đã có những kế hoạch kịp thời và linh động để tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn phát triển theo như kế hoạch dài hạn đã đề ra. Trong năm 2016, chỉ số doanh thu và lợi nhuận vẫn có được sự tăng trưởng so với năm 2015, cụ thể doanh thu 2016 tăng 2% và lợi nhuận sau thuế tăng 3% so với năm 2015.

Hơn thế nữa, ngay từ đầu năm, ban lãnh đạo đã dự đoán được trước sự khó khăn và diễn biến phức tạp của nền kinh tế năm 2016 nên đã chủ động đưa ra kế hoạch doanh thu hợp lý. Cụ thể, doanh thu trong năm 2016 đã vượt kế hoạch 9%, đặc biệt, lợi nhuận sau thuế năm 2016 đã xuất sắc vượt kế hoạch gần 40%.

Công tác thị trường luôn được công ty chú trọng và phát huy có hiệu quả, chất lượng sản phẩm được duy trì tốt, khẳng định được thương hiệu và uy tín đến khách hàng. Trong năm, Công ty đã phát huy hiệu quả sản xuất của các dây chuyền mới, đầu tư khai thác tại mỏ Châu Hồng đảm bảo kịp thời nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, phát huy tốt hoạt động của các xe vận tải đảm bảo giao hàng bán kịp thời cho khách hàng.

Lực lượng lao động cơ bản ổn định, tư tưởng của người lao động luôn yên tâm công tác, ý thức chấp hành nội quy, quy chế của người lao động luôn được duy trì và thực hiện đạt hiệu quả tốt.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, công nợ phải thu của khách hàng còn lớn nhưng đã có giảm 10% so với năm 2015.

Tình hình kinh tế Việt Nam gần đây đang có dấu hiệu chững lại tuy nhiên đã có những

dấu hiệu của phát triển bền vững, bằng chứng là các chỉ số GDP không có biến động và chỉ số lạm phát đang giảm dần kể từ năm 2011 đến nay. Những biến động vĩ mô có tác động rất mạnh đến các doanh nghiệp.

Năm 2017 hứa hẹn sẽ lại là một năm đầy khó khăn và thách thức với Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu. Nhiều nhà máy đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động cạnh tranh về thị phần gay gắt, nhiều doanh nghiệp mới đã bán hạ giá thấp để vào thị trường làm công ty cũng phải hạ giá để giữ thị phần, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, với ban điều hành nhiều kinh nghiệm và có tâm với Công ty, tôi tin rằng công ty sẽ tiếp tục phát triển đúng hướng trong tương lai.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÃ KÝ

LÊ ĐÌNH DANH

SLOGAN

Chất lượng sản phẩm thay lời nói

TÂM NHÌN

AMC định hướng trở thành một Công ty lớn về khai thác, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, nhằm tận dụng hết các lợi thế về tài chính, về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty và hợp tác chặt chẽ với các Công ty kinh doanh cùng ngành.

SỨ MỆNH

Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư: Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

Đối với Khách hàng: Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Đối với Đối tác Kinh doanh: Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

Đối với Cộng đồng Xã hội: AMC vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Đối với Nhân viên: Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần cho sự phát triển Công ty.

MỤC LỤC	
TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP	7
Thông tin chung	8
Cột mốc lịch sử	9
Địa bàn kinh doanh	10
Ngành nghề kinh doanh	11
Cơ cấu bộ máy quản lý	12
Mô hình quản trị	13
Định hướng phát triển	14
Rủi ro	15
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	19
Tình hình hoạt động kinh doanh	20
Danh sách ban lãnh đạo	22
Tình hình dự án đầu tư, thực hiện dự án	25
Chính sách, số lượng cán bộ công nhân viên	26
Tình hình tài chính	28
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	30
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	33
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
Tình hình tài chính	36
Những cải tiến về cơ cấu chính sách quản lý	38
Kế hoạch phát triển trong tương lai	39
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	41
QUẢN TRỊ CÔNG TY	45
Hội Đồng Quản Trị	46
Ban Kiểm Soát	48
Các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, ban Kiểm Soát	49
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	50
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	56
Báo cáo của ban Giám Đốc	60
Báo cáo kiểm toán độc lập	62
Bảng cân đối kế toán	64
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	66
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	67
Thuyết minh báo cáo tài chính	68

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

Thông tin chung

Cột mốc lịch sử

Địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Rủi ro



THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu
Tên giao dịch: Asia Mineral Joint Stock Company
Mã cổ phiếu: AMC

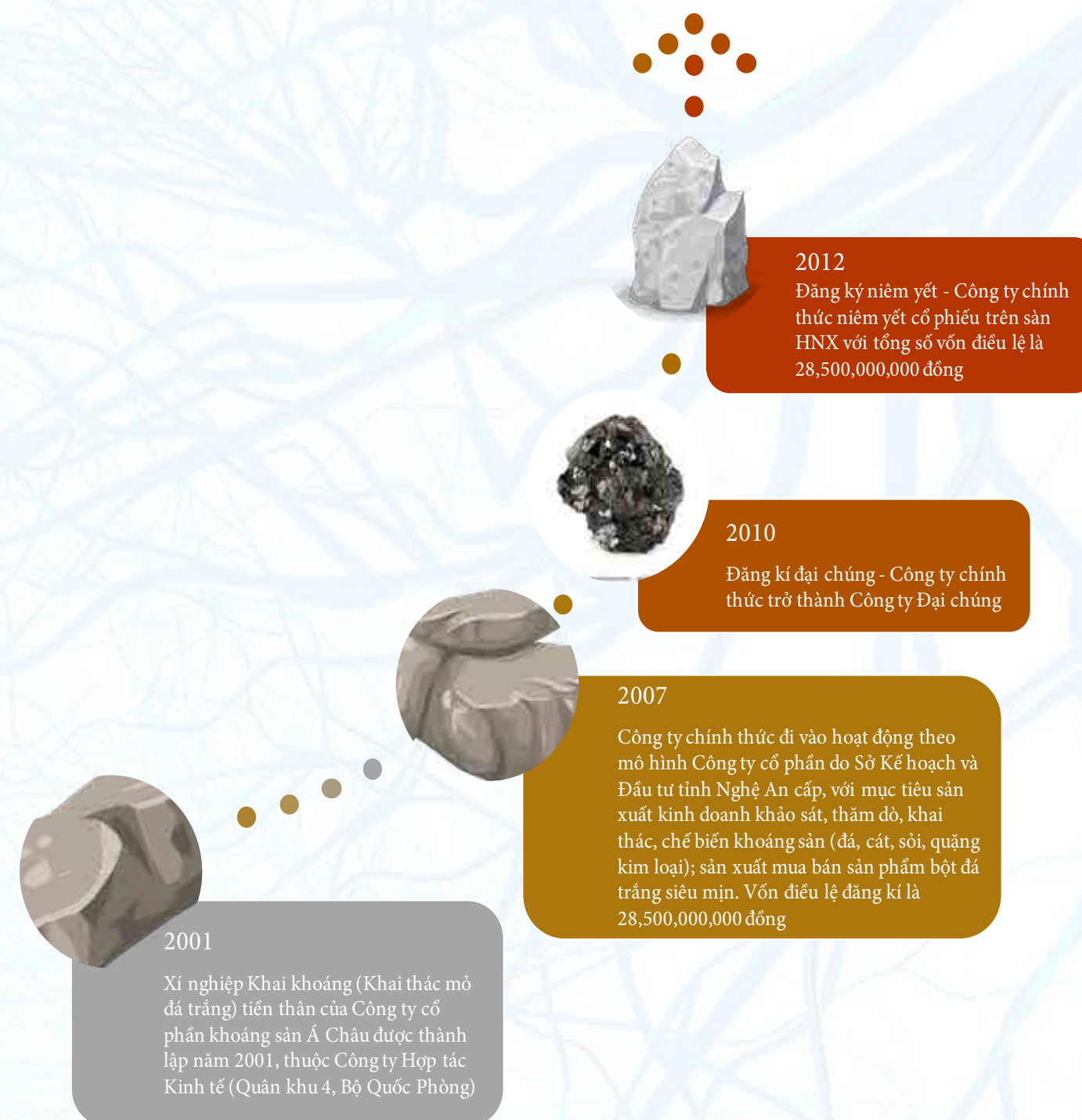
Logo:



Địa chỉ: Lô 32C, KCN Nam Cấm, Nghi Lộc, Nghệ An
Điện thoại: +84 38 379 17 77
Fax: +84 38 379 15 55
Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 2703001715
Vốn điều lệ: 28,500,000,000
Website: <http://www.amcvina.vn/>

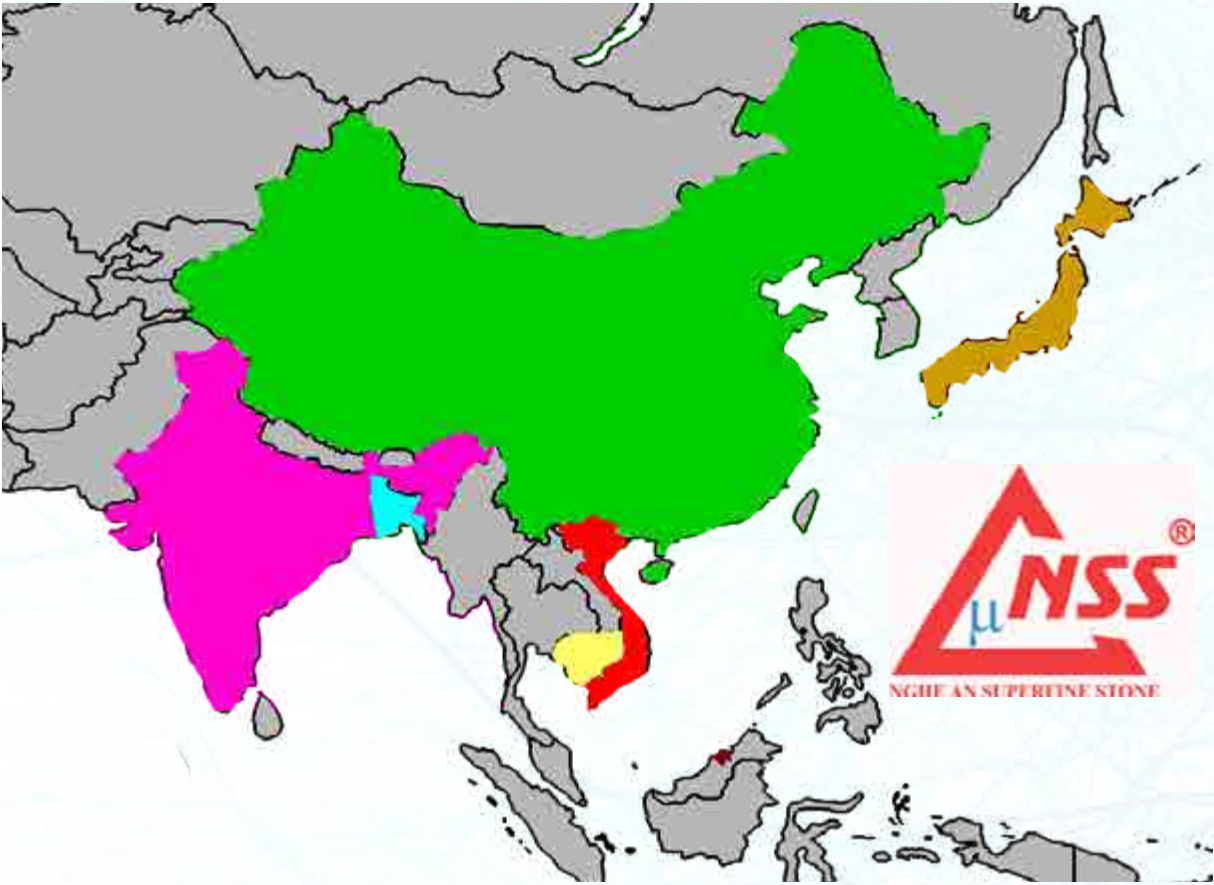


CỘT MỐC LỊCH SỬ



Qua hơn 9 năm hoạt động, với đội ngũ cán bộ quản lý kinh nghiệm, năng động đã từng tham gia làm việc với các đối tác trong và ngoài nước ở các dự án khai thác mỏ, Công ty đã nhận được sự tín nhiệm của các đối tác trong nước và bạn hàng nước ngoài.

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Thị trường trong nước chiếm 70% doanh thu của Công ty và chủ yếu ở các tỉnh:

- Hà Nội
- Hà Nam
- Hải Phòng
- Nghệ An
- Hưng Yên
- Hải Dương
- Thành Phố Hồ Chí Minh
- Đồng Nai
- Bình Dương
- Long An
- Bình Phước
- An Giang



Thị trường xuất khẩu chiếm 30% doanh thu của Công ty tại các nước sau:

- Ấn Độ
- Băng La Đét
- Bruney
- Campuchia
- Trung Quốc
- Nhật Bản



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

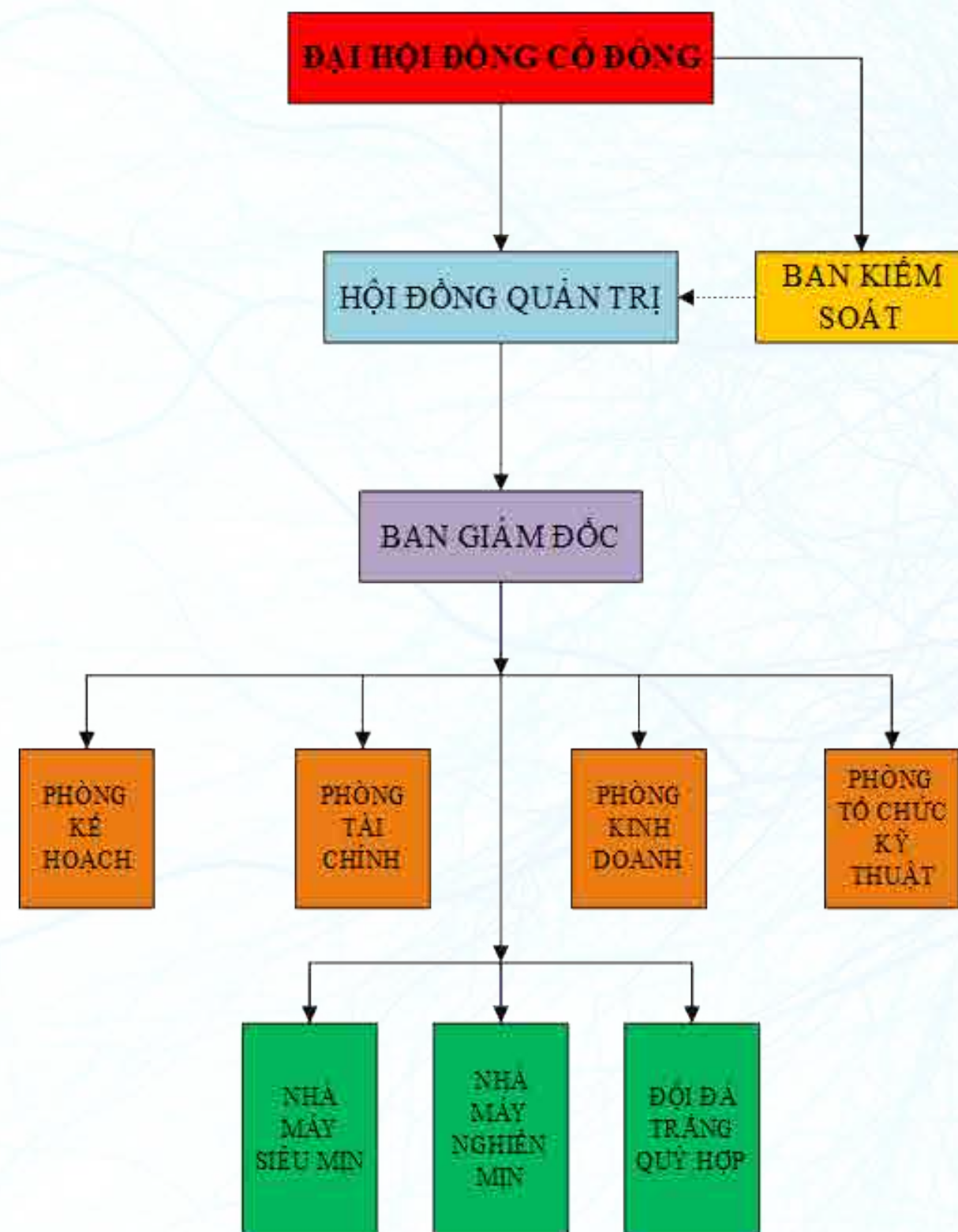
Sản phẩm chính của Công ty là bột đá trắng siêu mịn. Sản phẩm được ứng dụng làm các chất phụ gia trong các ngành công nghiệp như sản xuất Sơn, giấy, nhựa, hóa chất, cao su...

Các sản phẩm chính của công ty:

TT	Mã sản phẩm	Độ mịn		Cỡ hạt	
		D50	D97	mm	Mesh
1	NSS-500/C	0.60 μm Max	5.0 μm ± 1.0 Max	0.005	2500
2	NSS-800/C	1.90 μm Max	8.0 μm ± 1.0 Max	0.008	2200
3	NSS-1000/C	2.30 μm Max	10.0 μm ± 1.0 Max	0.010	2000
4	NSS-1500/C	3.20 μm Max	15.0 μm ± 1.0 Max	0.015	1250
5	NSS-2000/C	4.50 μm Max	20.0 μm ± 1.0 Max	0.020	850
6	NSS-2500/C	5.50 μm Max	25.0 μm ± 1.0 Max	0.025	710
7	NSS-3000/C	6.50 μm Max	30.0 μm ± 1.0 Max	0.030	600



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hiện tại, Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường ít nhất một năm một lần. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu có 05 thành viên.

HDQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban Kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội cổ đông do Đại hội cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HDQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn.

Giám đốc:

Bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng điều hành hoạt động của Công ty. Thực hiện các nghị quyết của HDQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HDQT và ĐHĐCĐ thông qua.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

Các phòng ban:

- Phòng kế hoạch - thị trường
- Phòng tài chính - kế toán
- Phòng công nghệ - kỹ thuật
- Phòng tổ chức - hành chính

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong những năm tiếp theo, Công ty luôn cố gắng đặt mục tiêu hàng đầu là sự phát triển bền vững. Sự phát triển của Công ty về mặt kinh tế luôn gắn liền với sự phát triển của cộng đồng, xã hội và những tác động tích cực đến môi trường. Điều đó giúp Công ty tăng trưởng và phát triển bền vững, cũng như tạo dựng hình ảnh tốt đẹp trong lòng người lao động, nhà đầu tư cũng như các đối tác.

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Đầu tư sâu rộng cho ngành khai thác, chế biến khoáng sản, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm bột đá trắng mịn và siêu mịn
- Triển khai, đầu tư thêm các dự án mở rộng, tăng năng lực sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm và chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty trong nước cũng như ngoài nước. Tận dụng các lợi thế về mỏ hiện có của Công ty



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tập trung và khai thác chế biến khoáng sản là lĩnh vực chính đồng thời tiếp tục chiến lược phát triển đầu tư sang một số lĩnh vực sản xuất khác.
- Mở rộng đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản tại xã Châu Quang và Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp – Tỉnh Nghệ An
- Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, vật liệu, môi trường...
- Đầu tư đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng tốt hơn.
- Giữ vững vị thế Công ty trên thị trường: Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu sẵn sàng hợp tác với tất cả khách hàng, đối tác để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

CÁC RỦI RO

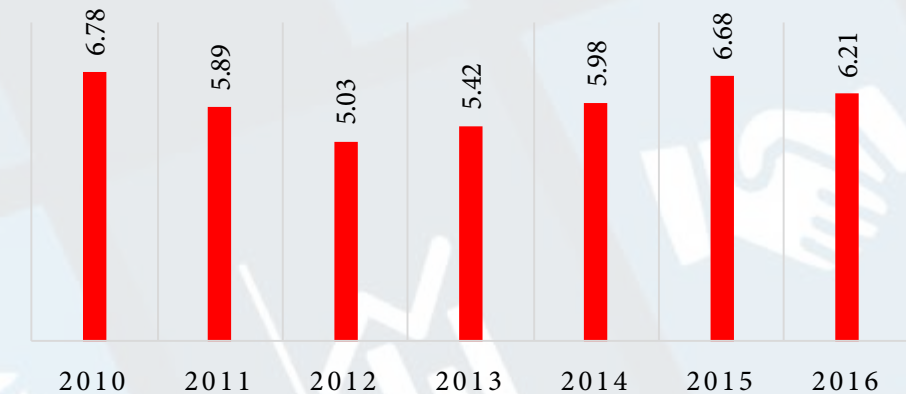
RỦI RO KINH TẾ:

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ sẽ tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến kinh doanh địa ốc, đầu tư xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6.21% so với năm 2015 và giảm nhẹ so với sự tăng của năm ngoái. Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng của người dân đối với các sản phẩm liên quan đến bột đá vôi, điển hình là xây dựng và bất động sản.

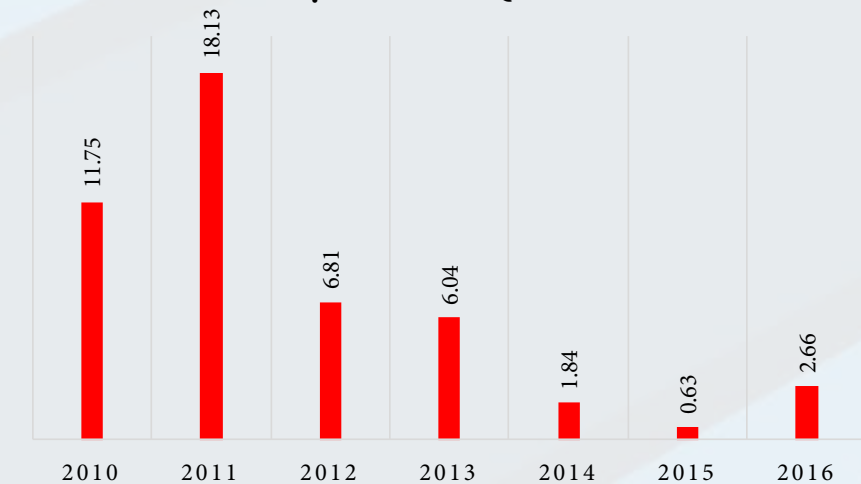
TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG GDP HÀNG NĂM CỦA VIỆT NAM



Lạm phát

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn 2011 đến 2014, chính phủ đã mạnh tay thực hiện các giải pháp để kiềm chế lạm phát và đã đạt được kết quả nhất định. Năm 2015, ấn định mức lạm phát của Việt Nam là 0.63, là mức lạm phát thấp nhất của Việt Nam trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam, mức lạm phát của năm 2016 là 2.66, có tăng mạnh so với năm 2014 và 2015.

CHỈ SỐ LẠM PHÁT QUA CÁC NĂM



CÁC RỦI RO(tiếp)

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, hoạt động khai thác khoáng sản cũng chịu tác động rất lớn của các quy định đặc thù liên quan đến tài nguyên khoáng sản. Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí trong khai thác, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường.

Sự thay đổi chính sách về thuế cũng ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Mặt hàng bột đá trắng hiện chưa chịu ảnh hưởng bởi sự thay đổi này nhưng với xu hướng khoáng sản ngày càng khan hiếm, trong tương lai việc thay đổi chính sách thuế xuất khẩu khoáng sản có khả năng xảy ra sẽ ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của doanh nghiệp nước ta so với các nước.

GIẢI PHÁP:

Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc khai thác. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

RỦI RO KHAI THÁC NGUỒN NHIÊN LIỆU

Do đặc điểm của ngành, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi những thay đổi của điều kiện tự nhiên – điều này nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Biến động về thời tiết mưa gió, bão, lũ lụt có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, bản thân các doanh nghiệp phải tự bỏ chi phí để thực hiện công tác điều tra, thăm dò địa chất để đánh giá hàm lượng và trữ lượng của mỏ, thiết kế khai trường vì các điểm mỏ không có đánh giá trữ lượng tại địa phương.

Trường hợp tài nguyên không đủ để đầu tư khai thác công nghiệp, doanh nghiệp phải chịu thua lỗ chi phí làm địa chất. Một rủi ro khác thuộc về khai thác là khả năng đánh giá chính xác về trữ lượng, chất lượng khoáng sản và công suất khai thác. Công suất khai thác thực tế không đạt được như trữ lượng ước tính ban đầu sẽ đẩy chi phí giá thành lên cao, sản phẩm sẽ không cạnh tranh và hiệu quả thu được không lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Xu hướng thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao cũng sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

GIẢI PHÁP:

Công ty tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro liên quan đến môi trường cho từng lĩnh vực hoạt động và mức thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro để có những biện pháp phòng ngừa và cải thiện thích hợp. Đồng thời Ban lãnh đạo Công ty cũng ra các Quy định về “Việc bảo vệ môi trường” cho từng lĩnh vực hoạt động. Trong Quy định đều nêu rõ Đối tượng thực hiện, Phạm vi áp dụng và các giải pháp cụ thể để hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật môi trường và không gây ảnh hưởng nào nghiêm trọng đến môi trường và cộng đồng xung quanh nơi công ty hoạt động để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

RỦI RO VỀ CẤP PHÉP KHAI THÁC MỎ:

Thời hạn khai thác mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

GIẢI PHÁP:

Công ty luôn cập nhật những công nghệ mới nhất để đưa vào sản xuất và tuyển dụng người tài trong lĩnh vực kỹ thuật để nâng cao khả năng sản xuất. Rủi ro về việc bị rút hoặc không cho phép gia hạn giấy phép khai thác mỏ đối với Công ty là không nhiều do năng lực và chất lượng khai thác của Công ty đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Công ty luôn cập nhật các chính sách của nhà nước để có phương án giải quyết và đề phòng với các rủi ro đến từ Nhà Nước.

RỦI RO CẠNH TRANH

Tình hình cạnh tranh trên thị trường cạnh tranh gay gắt, vì vậy Công ty phải nâng cao năng lực sản xuất để giảm giá thành sản phẩm và xây dựng chính sách giá bán cạnh tranh, linh hoạt. Đồng thời, Công ty tiếp tục đẩy mạnh các chương trình tiếp thị, chăm sóc khách hàng, nâng cao năng lực tiếp thị - đấu thầu nhằm tăng cường tìm kiếm các đơn hàng mới.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCC, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Danh sách ban lãnh đạo

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Nguồn nhân lực

Tình hình tài chính

Thông tin cổ phiếu, cơ cấu cổ đông



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016, nền kinh tế đã có dấu hiệu chững lại so với năm 2015 tuy nhiên chưa thực sự rõ rệt, hoạt động của Công ty cũng gặp khá nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực hết sức mình của Ban lãnh đạo Công ty trong việc đề ra những chính sách đúng đắn, cùng sự thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các công tác đầu tư, sản xuất, quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm đạt được những kết quả sau:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	TH2016/TH2015	TH/KH 2016
Sản lượng sản xuất bột đá	Tấn	92,187	99,580	104,392	113.24%	104.83%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	118,128	99,580	126,091	106.74%	126.62%
Doanh thu	Triệu đồng	162,214	152,459	166,425	102.60%	109.21%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12,927	9,525	13,326	103.09%	139.90%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12,269	9,037	12,640	103.29%	139.86%

Công ty tiếp tục duy trì sự hoạt động ổn định, phát triển có hiệu quả cao trong năm 2016. Sản lượng và doanh thu tiếp tục tiếp tục vượt kế hoạch đã đề ra ở đầu năm.

Sản lượng sản xuất bột đá:

- Sản lượng sản xuất tiếp tục tăng mạnh và đều so với các năm trước. Cụ thể sản lượng sản xuất năm 2016 tăng 13% với năm 2015 và vượt hơn 4% với kế hoạch đề ra
- Các dự án đầu tư của Công ty đã hoạt động hiệu quả và đảm bảo số lượng sản phẩm cho sự phát triển của công ty

Sản lượng tiêu thụ

- Sản lượng tiêu thụ trong năm 2016 tiếp tục có dấu hiệu tích cực khi tăng mạnh so với kế hoạch đề ra từ đầu năm. Cụ thể sản lượng tiêu thụ tăng mạnh với hơn 26% so với kế hoạch đặt ra đầu năm và tăng 6% so với năm 2015.
- Điều đó chứng tỏ trong năm ban lãnh đạo đã chèo lái công ty rất tốt mặc dù kinh tế năm 2016 không được thuận lợi.

Tổng doanh thu

- Doanh thu thuần 2016 vượt kế hoạch 9.21% và tăng 2.60% so với năm 2015
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 17% so với năm trước
- Doanh thu khác giảm nhẹ so với năm 2015, tuy nhiên không đáng kể

Lợi nhuận

- Lợi nhuận công ty tăng hơn 39% so với kế hoạch năm 2015 và tăng 3% so với lợi nhuận của năm 2015.

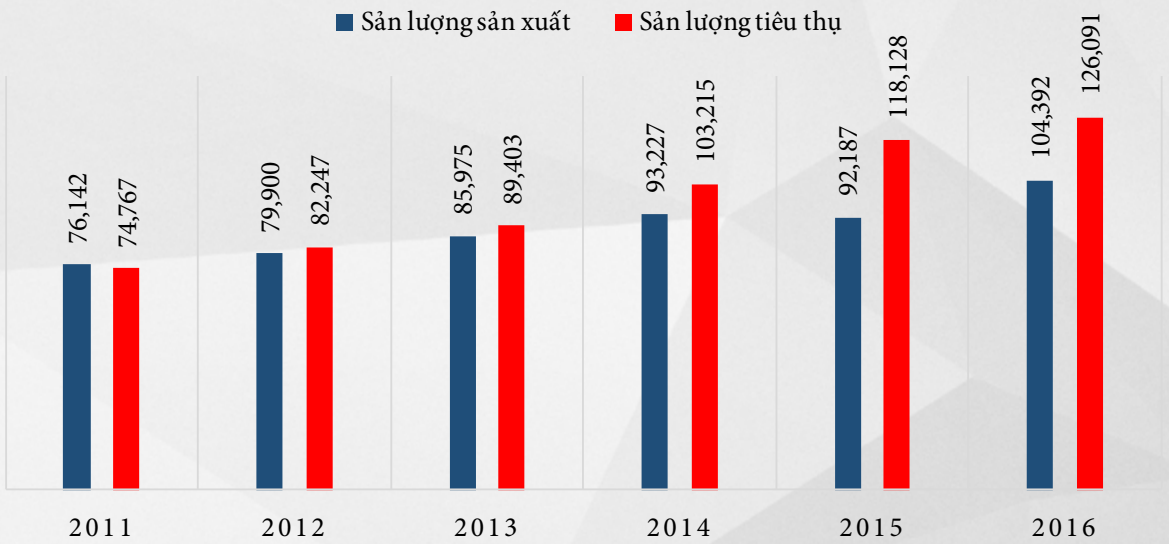
So với năm 2015 công ty tiếp tục có sự phát triển về doanh thu (tăng 2.6%) và lợi nhuận (tăng 3.29% với LNST). Nguyên nhân đạt được kết quả này:

- Công ty tiếp tục chú trọng trong công tác thị trường, duy trì chất lượng sản phẩm nhờ đó duy trì được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng.
- Doanh thu năm 2016 tăng 3% so với năm 2015 và công ty vẫn duy trì tốt thị trường tiêu thụ trong nước với tỷ lệ 70% và 30% đối với thị trường nước ngoài

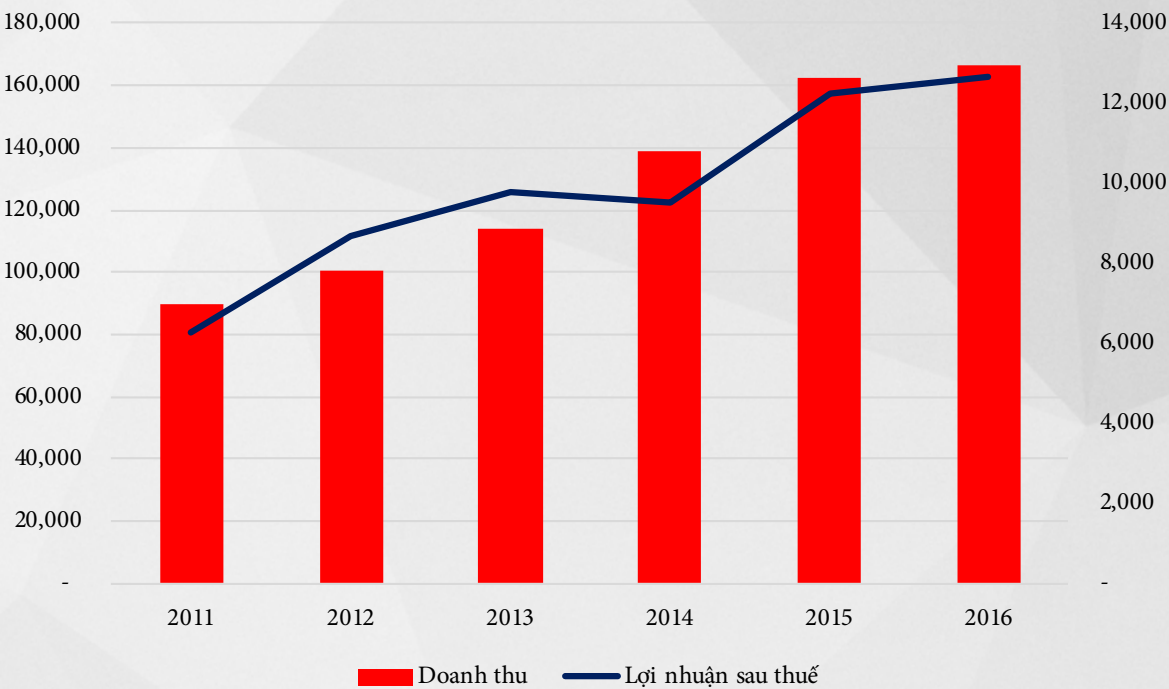
Nguyên nhân của việc tăng trưởng

- Nhờ vào việc công ty đã đầu tư xe vận tải để giảm thiểu chi phí thuê ngoài và tiếp tục đầu tư máy nghiền bi để nâng cao năng lực sản xuất cũng nhờ đó doanh thu được đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng ổn định.

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ ĐVT: TẤN



DOANH THU THUẦN VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ



DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC



Ông Lê Đình Danh

Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1970

Địa chỉ thường trú: Số 25 Trần Hưng Nhượng, Phường Hưng Phúc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Đại học – Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 1992 - 1993: Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An
- 1993 - 1995: Cán bộ, tình đoàn tỉnh Nghệ An
- 1995 - Đến nay: Trưởng phòng tổ chức lao động tiền lương - Công ty hợp tác kinh tế, Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu.

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Hội đồng thành viên – Tổng công ty hợp tác kinh tế

Tổng số cổ phần nắm giữ: 761,000 cổ phần



Ông Hoàng Trọng Diên

Chức vụ: Ủy viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/08/1967

Địa chỉ thường trú: 187 đường Nguyễn Du, TP Vinh – tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 1988 - 1990: Chiến sỹ, F442 - Quân khu 4
- 1990 - 1994: Học viên trường Đại học Thương Mại
- 1994 - 1996: Cán bộ kế hoạch - Công ty hợp tác kinh tế
- 1996 - 2005: Trưởng đại diện tại Hà Nội thuộc Công ty hợp tác kinh tế
- 2008 - Đến nay: Giám đốc Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu, kiêm Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: không

Tổng số cổ phần nắm giữ: 455,000 cổ phần



Ông Nguyễn Văn Chương

Chức vụ: Ủy viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/07/1976

Địa chỉ thường trú: Khối Liên Cơ – phường Hưng Bình – TP Vinh – Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2002 - 2005: Kế toán - TT xuất khẩu lao động - Công ty Hợp tác kinh tế
- 2006 - 2007: TB tài chính - Ban sự án Sơn La - Công ty Hợp tác kinh tế
- 2008 - Đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội Đồng Quản Trị - Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Tổng số cổ phần nắm giữ: 1,000 cổ phần



Ông Nguyễn Trung Thành

Chức vụ: Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 17/04/1981

Địa chỉ thường trú: Xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 2003 - 2007: Cán bộ, Công ty XD và PT hạ tầng thuộc Bộ NN và PTNT
- 2008 - Đến nay: Ủy viên HĐQT, trưởng phòng kế hoạch - thị trường Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Tổng số cổ phần nắm giữ: 5,000 cổ phần



Ông Lê Mạnh Hùng

Chức vụ: Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/08/1978

Nơi sinh: Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Khối 1 – phường Trung Đô – TP Vinh – Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 2002 - 2006: Chuyên viên quan hệ quốc tế - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- 2006 - Đến nay: Ủy viên Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu, Giám đốc công ty TNHH Trường Hồng

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Trường Hồng

Tổng số cổ phần nắm giữ: 13,200 cổ phần

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Hùng
Chức vụ: Trưởng ban Kiểm Soát
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 22/11/1978
Nơi sinh: Nghệ An
Địa chỉ thường trú: 221, C8, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
Quá trình công tác:

- 2002 - Đến nay: Trợ lý pháp chế doanh nghiệp - Công ty hợp tác kinh tế, Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Trợ lý pháp chế doanh nghiệp – Công ty Hợp tác kinh tế
Tổng số cổ phần nắm giữ: 5,000 cổ phần



Ông Nguyễn Thành Hưng
Chức vụ: Ủy viên ban Kiểm Soát
Giới tính: Nam
Nơi sinh: Nghệ An
Ngày tháng năm sinh: 26/10/1976
Địa chỉ thường trú: Xóm 10, xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Quá trình công tác:

- 2002 - 2007: Cán bộ kỹ thuật - Công ty hợp tác kinh tế
- 2008 - Đến nay: Ủy viên ban kiểm soát, Trưởng phòng CN kỹ thuật Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
Tổng số cổ phần nắm giữ: 10,000 cổ phần



Bà Trần Thị Hồng Thái
Chức vụ: Ủy viên ban Kiểm Soát
Giới tính: Nữ
Nơi sinh: Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh: 20/09/1976
Địa chỉ thường trú: Số 08, ngõ 05, đường Lê Văn Tám, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:

- 1999 - 2006: Kế toán, Công ty cổ phần Nhựa - Bao Bì Vinh
- 2006 - 2007: Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Nhựa - Bao Bì Vinh
- 2008 - Đến nay: Ủy viên ban Kiểm Soát Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu, Kế toán trưởng Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Kế toán trưởng, ủy viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty cổ phần Nhựa – Bao bì Vinh
Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

TÌNH HÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư dây chuyền máy nghiền bi: 16,560 triệu đồng
Trong năm 2016, công ty không đầu tư dây chuyền máy nghiền bi nữa mà đi thuê máy nghiền bi. Dự án dây chuyền máy nghiền bi sẽ được chuyển sang 2017

Đầu tư mỏ châu hồng: 8,236 triệu đồng
Trong năm 2016, Công ty vẫn chủ trương tăng cường đầu tư vào mỏ Châu Hồng để tăng cường nguồn cung cấp cho sự tăng trưởng bền vững hiện tại của công ty.

Nội dung	Chi phí dự kiến	Chi phí quyết toán cho đến thời điểm 31/12/2016	% Chênh lệch
Kho vật liệu nổ	185,781,845	185,782,209	0.00%
Đường lên Khai thác thăm dò	2,039,091,034	1,963,024,545	3.73%
Đường lên khai thác, mở moong, vỉa	3,500,000,000	3,490,909,091	0.26%
Mặt bằng phụ trợ, bãi tập kết nguyên liệu	531,405,000	531,405,000	0.00%
Quyền khai thác (chi phí thăm dò, khảo sát)	1,940,000,000	2,065,873,000	-6.49%
Tổng vốn đầu tư	8,196,277,879	8,236,993,845	-0.50%

Nhìn chung, công ty đã quản lý các khoản đầu tư rất hiệu quả. Bằng chứng là độ chênh lệch giữa dự toán và thực tế là gần như không có.



CHÍNH SÁCH, SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Số lượng(người)	Tỷ trọng (%)
I Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	26	20.16%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	8	6.20%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	50	38.76%
4	Lao động phổ thông	45	34.88%
II Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	41	31.78%
2	Lao động gián tiếp	88	68.22%
III Theo giới tính			
1	Nam	113	87.60%
2	Nữ	16	12.40%
Tổng cộng		129	

Tổng số lao động của Công ty năm 2016 là 129 người, tăng 20% số lao động so với năm 2015.

Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội như: Ký hợp đồng lao động, thời gian làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn – bảo hiểm lao động.

Nhân sự công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề khai thác khoáng sản. Ngành này đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại nên chủ yếu nhân sự của công ty có trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật. Chính vì vậy, Công ty có số lượng lao động phổ thông và công nhân kỹ thuật chiếm số lượng lớn.

Tương xứng vào đó, mức lương bình quân và thu nhập bình quân có sự tăng trưởng đáng kể qua các năm nhằm đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên và người lao động.

Công tác huấn luyện:

- Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện, nâng cao tay nghề cho các bộ công nhân viên
- Các trường hợp được cử đi học các lớp chuyên môn, nghiệp vụ ngắn ngày theo đề nghị hoặc theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty sẽ được thanh toán theo quy định của Công ty

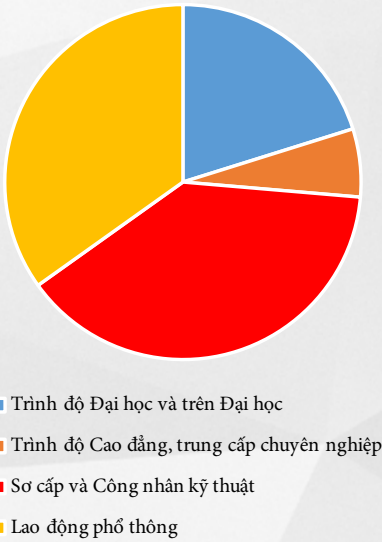
Công tác chăm lo cho đời sống nhân viên của công ty:

- Công ty đã thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời các trường hợp ốm đau, hữu sự góp phần động viên tinh thần cho người lao động, thể hiện sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty đến đời sống nhân viên.
- Trong năm công ty đã giải quyết đầy đủ cho 2 người hưởng chế độ thai sản, nghỉ dưỡng.

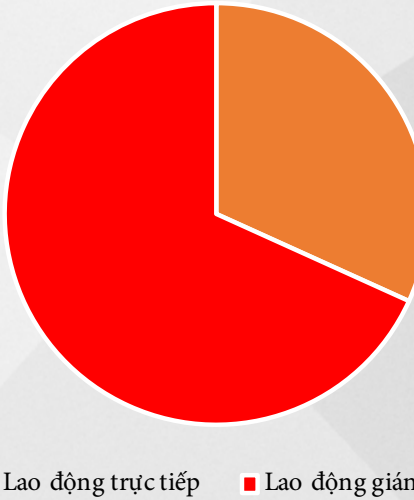
Công tác tiền lương:

- Thực hiện Nghị định 122/2015/NĐ-CP ngày 16/11/2015 của Chính phủ đã thực hiện điều chỉnh tháng lương cơ bản Công ty áp dụng cho năm 2016, chuyển đổi mức lương CB mới cho toàn thể nhân viên, điều chỉnh đơn giá nhân công theo thang lương cơ bản mới.

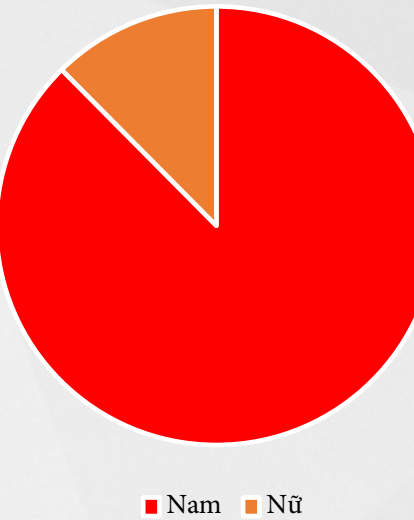
THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



THEO ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG



THEO GIỚI TÍNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng, giảm
Tổng tài sản	90,261,812,235	84,338,350,556	93.44
Doanh thu thuần	162,214,595,860	166,425,730,723	102.60
Giá vốn hàng bán	92,696,059,497	100,765,319,105	108.67
LN từ hoạt động kinh doanh	12,977,762,037	13,444,729,255	103.60
LN khác	(50,821,396)	(117,807,256)	231.81
LN trước thuế	12,926,940,641	13,326,921,999	103.09
LN sau thuế	12,260,889,479	12,640,952,983	103.29
Tỷ lệ LN trả cổ tức	35%		

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.17	0.99
- Hệ số thanh toán nhanh	0.87	0.72
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/tổng tài sản	0.46	0.41
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	0.85	0.68
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	8.06	10.25
- Vòng quay khoản phải thu	8.44	7.98
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.80	1.97
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0.076	0.076
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0.251	0.253
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	0.136	0.150
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	0.080	0.080

Về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm nay giảm từ 1.17 xuống 0.99 và thanh toán nhanh giảm từ 0.87 xuống 0.72 là do tài sản lưu động ngắn hạn giảm mạnh vì khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng giảm so với đầu kỳ trong khi nợ ngắn hạn không thay đổi nhiều so với đầu năm.

Về cơ cấu vốn

Có thể dễ nhận thấy các chỉ số về cơ cấu vốn đều giảm mạnh là nhờ công ty đã thanh toán số tiền nợ dài hạn trong năm, mặc dù nợ ngắn hạn vẫn giữ nguyên nhưng hầu như là những khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho việc kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn và bột đá vôi trắng.

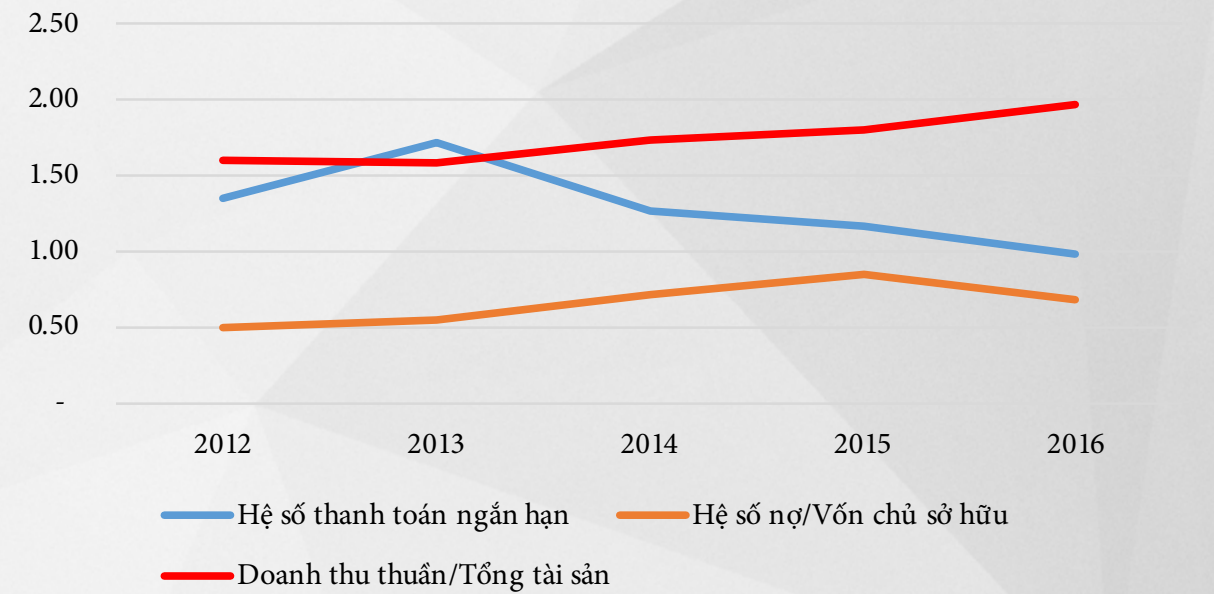
Về năng lực hoạt động

Các hệ số về năng lực hoạt động đều có thay đổi theo chiều hướng tốt hơn so với năm trước. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng rõ rệt nhất là nhờ vào việc giá vốn hàng bán năm nay tăng nhiều hơn và cơ cấu hàng tồn kho năm nay có giảm nhẹ so với năm 2015. Như đã nói ở hệ số thanh toán ngắn hạn, các khoản phải thu của công ty năm nay có sự giảm rõ rệt so với năm trước chứng tỏ công ty đã có kế hoạch thu hồi tiền hiệu quả hơn so với năm 2015. Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản tăng lên chủ yếu nhờ vào tài sản giảm và sự tăng nhẹ của doanh thu trong năm 2016.

Về khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời không có biến động gì nhiều ngoại trừ hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản do tài sản giảm. Công ty vẫn có sự tăng trưởng trong doanh thu nhưng do giá vốn hàng bán năm nay tăng nhiều khiến cho lợi nhuận bị giảm tuy nhiên mức lợi nhuận vẫn tăng nhẹ so với năm 2015.

MỘT VÀI CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



Chỉ số/Năm	2012	2013	2014	2015	2016
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.36	1.71	1.27	1.17	0.99
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0.50	0.54	0.71	0.85	0.69
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.61	1.58	1.74	1.80	1.97

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần:

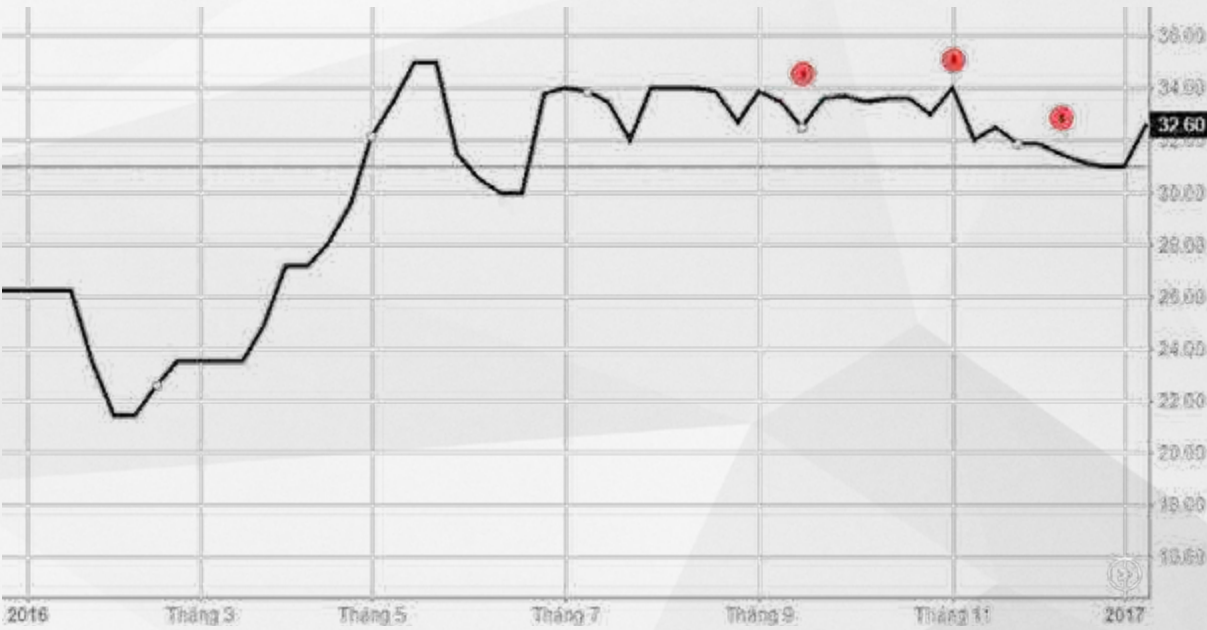
Số lượng cổ phần:	2,850,000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10,000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	2,850,000 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành:	2,850,000 cổ phiếu
Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	2,850,000 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông:

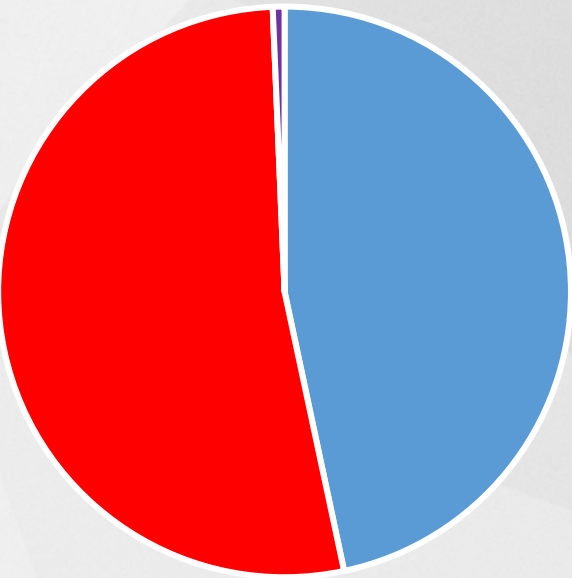
STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu 2015	Tỷ lệ sở hữu/VĐL 2015	Số lượng Cổ phiếu 2016	Tỷ lệ sở hữu/VĐL 2016
1	Cổ đông Nhà nước	1,140,000	40.00%	1,140,000	40.00%
2	Cổ đông sáng lập				
	- Trong nước	1,330,000	46.67%	1,330,000	46.67%
	- Nước ngoài	-	0.00%	-	0.00%
3	Cổ đông lớn				
	- Trong nước	1,140,000	40.00%	1,140,000	40.00%
	- Nước ngoài	-	0.00%	-	0.00%
4	Cổ đông khác				
	- Trong nước	1,507,900	52.91%	1,501,100	52.67%
	- Nước ngoài	12,100	0.42%	18,900	0.66%
TỔNG CỘNG		2,850,000		2,850,000	

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông 2015	Số lượng cổ đông 2016
1	Cổ đông trong nước		
	- Tổ Chức	1	1
	- Cá nhân	111	117
2	Cổ đông nước ngoài		
	- Tổ chức	1	2
	- Cá nhân	2	4

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	VSDAMC2706000028	Số 187 Lê Duẩn, TP Vinh, NA	1,140,000	40%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG 2016



■ Cổ đông sáng lập ■ Cổ đông khác trong nước ■ Cổ đông nước ngoài

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2016, công ty không có đợt thay đổi vốn điều lệ.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

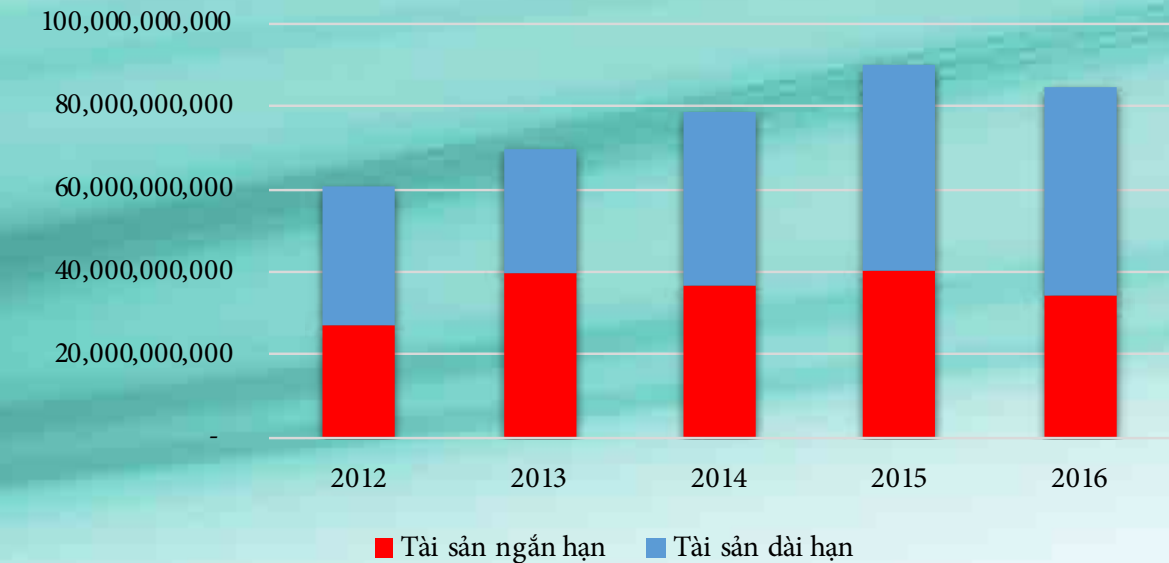
Năm 2016, với nền kinh tế toàn cầu tiếp tục có diễn biến khó lường, ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng được sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên. Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu đã xuất sắc vượt qua những khó khăn và hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu đề ra.

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	TH2016/TH2015	TH2016/KH2016
Sản lượng sản xuất bột đá	Tấn	92,187	99,580	104,392	113.24%	104.83%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	118,128	99,580	126,091	106.74%	126.62%
Doanh thu	Triệu đồng	162,214	152,459	166,425	102.60%	109.21%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12,927	9,525	13,326	103.09%	139.90%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12,269	9,037	12,640	103.29%	139.86%

Đánh giá chung:

- Tổng doanh thu năm 2016 đạt hơn 166 tỷ đồng tăng 2% so với năm 2015.
- Tuy nhiên giá vốn bán hàng luôn chiếm hơn 50% doanh thu và tăng 8.67% so với năm 2015 nên đã khiến lợi nhuận trước thuế chỉ đạt ở mức hơn 13 tỷ.
- Mặc dù vậy, lợi nhuận sau thuế vẫn tăng 3%. Kết quả 2016 có được khả quan như vậy là do việc quản lý điều hành hiệu quả của Ban điều hành và đóng góp của toàn thể nhân viên Công ty.
- Trong năm 2016, hoạt động tài chính Công ty rất ổn định, nguồn vốn phục vụ các nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty được đảm bảo.
- Tình hình tài sản, nguồn vốn năm 2016 giảm 6% so với năm 2015. Tuy nhiên tình hình nợ cũng giảm đáng kể. Giá trị tổng tài sản 2012 – 2016 có mức tăng trưởng ấn tượng. Với mức tăng đến 39% sau 5 năm. Điều này thể hiện hoạt động của công ty rất tốt và cho thấy sự phát triển của công ty trong giai đoạn này.

CƠ CẤU TÀI SẢN QUA CÁC NĂM



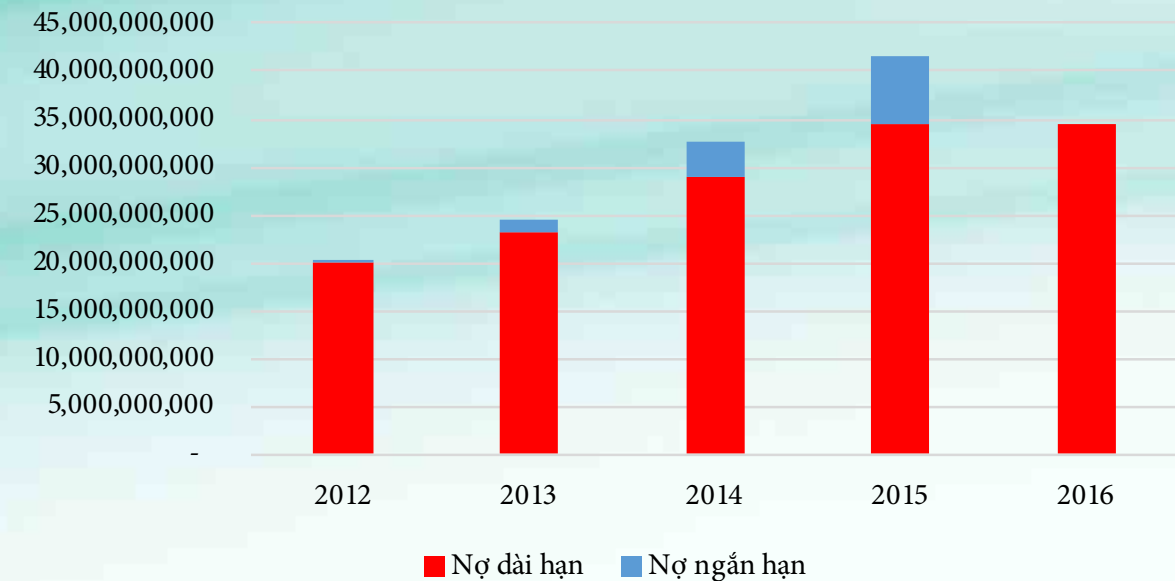
Để có được kết quả trên là nhờ:

- HQQT luôn thống nhất thực hiện tốt nghị quyết ĐHĐCĐ tạo điều kiện thuận lợi cho ban điều hành thực hiện nhiệm vụ của mình
- Được sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý Nhà nước, địa phương và Trung ương, đã hoàn thành cơ bản mục tiêu chiến lược về khoáng sản để đảm bảo sự ổn định trước mắt và lâu dài
- Sự đoàn kết, phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân lao động, sự năng động, linh hoạt của ban điều hành và bộ máy quản lý; sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các đoàn thể, tổ chức quần chúng
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm được chú trọng, duy trì khách hàng cũ và phát huy thêm một số khách hàng tiềm năng mới. Chất lượng sản phẩm ngày càng tốt hơn, phục vụ khách hàng tốt hơn, khẳng định thương hiệu sản phẩm trên thị trường trong nước cũng như ngoài nước.
- Công suất máy móc thiết bị được phát huy tối đa công suất; công tác quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá thành sản phẩm chặt chẽ, bám sát kế hoạch
- Trong năm 2016, công ty có đầu tư thêm máy nghiền bi, đầu tư mỏ châu Hồng đưa vào khai thác đem lại hiệu quả ngay trong việc chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ công tác sản xuất, giảm chi phí mua ngoài, giảm giá thành cũng như đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng kịp thời cho nhu cầu của khách hàng, tăng năng lực sản xuất cho công ty
- Công tác tài chính – kế toán có nề nếp, thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, khai thác đảm bảo đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho người lao động
- Công ty đã có chính sách đối với công nợ phải thu khách hàng và đã giảm 14% so với năm ngoái tăng đột biến 70%.

Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

- Công nợ của khách hàng tuy đã giảm 14% nhưng hiện tại vẫn đang ở mức cao so với năm 2014 và 2013
- Một số cán bộ nhân viên tinh thần trách nhiệm còn yếu.
- Một số quy chế, quy định nội bộ đã được ban hành lâu nay có một số bất cập hoặc một số nội dung chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.
- Một số hạng mục trong công tác đầu tư còn chậm, chưa kịp thời.

CƠ CẤU NỢ QUA CÁC NĂM



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2015	2016	%
Tài sản ngắn hạn	40,430,906,859	34,081,296,754	84%
Tiền và các khoản tương đương tiền	5,325,857,012	3,106,708,811	58%
Các khoản phải thu ngắn hạn	23,988,231,857	20,860,966,913	87%
Hàng tồn kho	10,314,388,732	9,434,366,439	91%
Tài sản ngắn hạn khác	802,429,258	679,254,591	85%
Tài sản dài hạn	49,830,905,376	50,257,053,802	101%
Các khoản phải thu dài hạn	390,868,800	994,391,739	254%
Tài sản cố định	40,465,325,775	45,694,083,658	113%
Tài sản dở dang dài hạn	8,197,802,931	-	0%
Tài sản dài hạn khác	776,907,870	3,568,578,405	459%
Tổng tài sản	90,261,812,235	84,338,350,556	93%
Nợ phải trả	41,440,190,941	34,376,865,227	83%
Nợ ngắn hạn	34,573,705,941	34,376,865,227	99%
Nợ dài hạn	6,866,485,000	-	0%

Tài sản

Có thể dễ dàng nhìn thấy tài sản của công ty tăng đều từ năm 2012 đến 2015 riêng năm 2016 lại giảm. Nguyên nhân là do trong năm các khoản tiền mặt và các khoản phải thu của công ty giảm mạnh dẫn đến tài sản ngắn hạn giảm 15% so với năm 2015. Tài sản dài hạn không có sự thay đổi mấy trong năm 2016.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, về cơ bản là không có sự thay đổi về tỷ lệ giữa các khoản trong năm 2016. Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 61% trong năm 2016 và 59% trong năm 2015. Tiếp đến là hàng tồn kho chiếm 27.68% trong năm 2016 và 25.5% trong năm 2015.

Tài sản dài hạn năm nay không có biến động nhiều so với năm 2015, tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng lớn, lên đến 90.9%.

Nợ phải trả

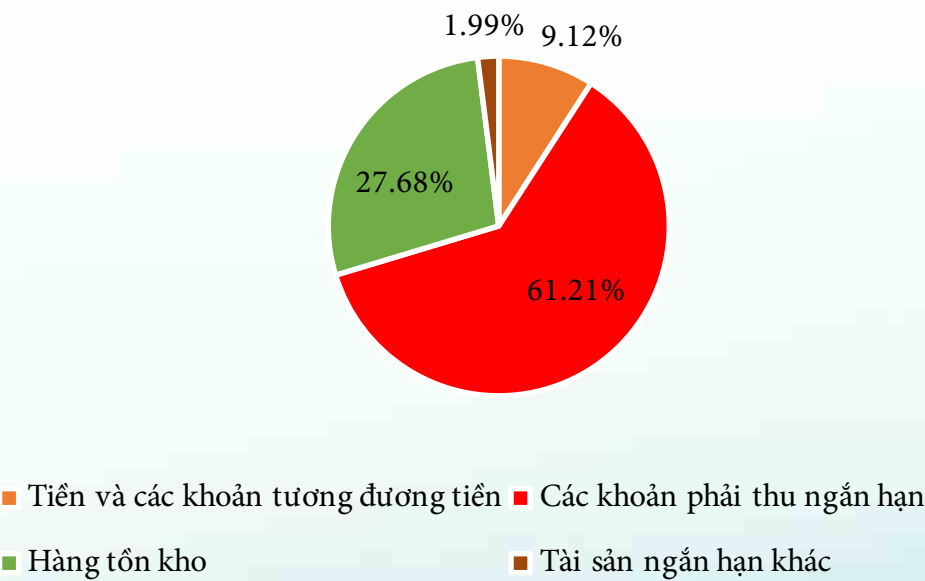
Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị nợ của Công ty đạt 34 tỷ đồng, chiếm 40.75% cơ cấu tài sản của AMC. So với năm 2015, cơ cấu nợ của Công ty giảm hơn 5%.

Trong đó, nợ vay ngắn hạn chiếm 100% tỷ trọng tổng nợ, đạt hơn 34 tỷ đồng. Nhìn chung nợ ngắn hạn không có biến động gì đặc biệt so với năm 2015. Phần nợ chủ yếu là để phục vụ đầu tư và vốn lưu động, nợ nhà cung cấp tiền vật tư, nguyên liệu sản xuất, nợ CBCNV,... và đơn vị đã thực hiện đầy đủ cam kết nghĩa vụ trả nợ đến hạn với các đối tác ngân hàng và nhà cung cấp vật liệu đầu vào.

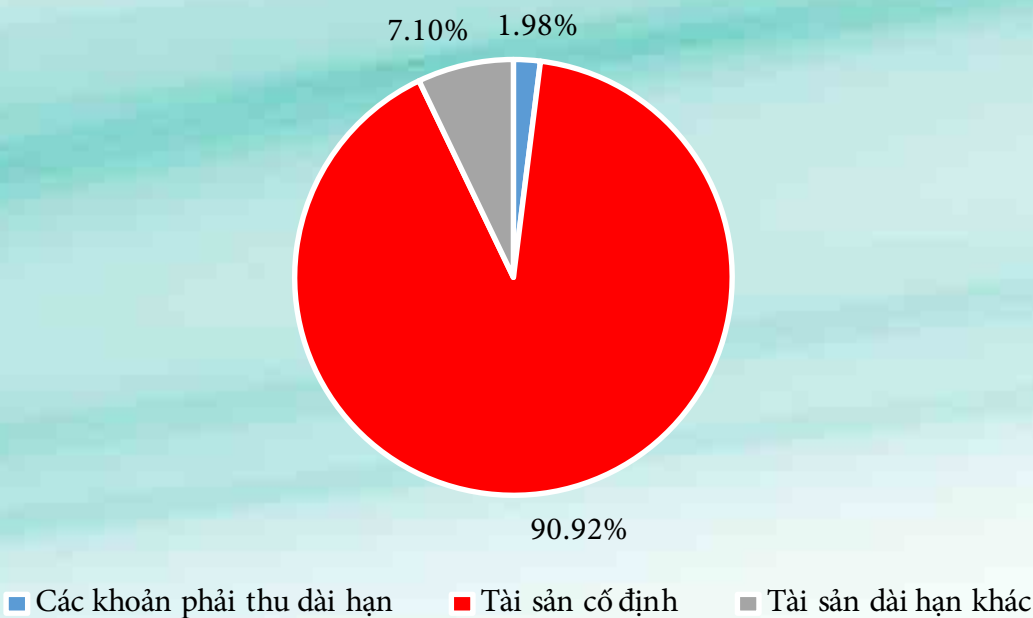
Đến thời điểm 31/12/2016, công ty không có khoản nợ dài hạn nào do đã thanh toán hết trong năm 2016.

Năm 2016, Công ty không phát sinh nợ phải trả xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

TÀI SẢN NGẮN HẠN



TÀI SẢN DÀI HẠN



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác thị trường

- Thị trường nguyên vật liệu phục vụ SXKD: lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh phải đảm bảo chất lượng, sản lượng giá cả tốt nhất

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

- Ưu tiên tập trung vào các khách hàng tiềm năng, ổn định. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu (ưu tiên phát triển thị trường xuất khẩu)
- Nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ trên thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu
- Tiếp tục khẳng định được thương hiệu và uy tín của sản phẩm NSS trên thị trường bột đá
- Áp dụng giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường, phù hợp với từng đối tượng khách hàng và nhu cầu từng thời điểm phù hợp với giá thành sản xuất.

Công tác kế hoạch

- Kế hoạch nguyên vật liệu đầu vào hợp lý để đảm bảo cho SXKD
- Xây dựng kế hoạch SXKD hàng tháng, quý có tính khả thi cao
- Áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật từng cung đoạn trong sản xuất. Theo dõi chặt chẽ việc áp dụng bộ định mức KTKT từ đó tìm ra biện pháp tăng công suất MTB, tăng năng suất lao động.

Công tác tổ chức lao động tiền lương:

- Áp dụng các chế độ khuyến khích đối với lao động, tăng cường công tác đào tạo. Duy trì chế độ phúc lợi, đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động.
- Sắp xếp lao động phù hợp đáp ứng kịp thời nhiệm vụ SXKD

Công tác tài chính kế toán:

- Thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, đảm bảo vốn cho SXKD
- Ghi chép sổ sách, lập chứng từ và lập báo cáo tài chính phải đầy đủ, kịp thời. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, trung thực và khách quan, phù hợp theo chính sách, chế độ nhà nước quy định.

Công tác công nghệ kỹ thuật

- Áp dụng tốt quy trình sản xuất, quy trình bảo dưỡng máy móc thiết bị
- Tìm các biện pháp tăng công suất máy móc thiết bị
- Tìm kiếm khai thác các nhà cung cấp thiết bị đảm bảo chất lượng, giá cả phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu
1	Giá trị sản xuất	Đồng	158,184,500,000
2	Doanh thu	Đồng	160,484,500,000
3	Tổng chi phí	Đồng	150,438,835,405
4	Lợi nhuận	Đồng	10,045,664,595
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	%	35
6	Lao động bình quân	Người	151
7	Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng	9,818,555
8	Giá trị tăng thêm		42,646,090,736

Tiếp tục đầu tư mở Châu Hồng để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và dây chuyền nghiền bi để tăng năng lực sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm.

Dây chuyền máy nghiền bi: 16,560,000,000 đồng

Mỏ Châu Hồng: 4,800,000,000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	Nhà điều hành, nhà ở cán bộ CN	800,000,000
2	Đường lên mỏ đá	1,500,000,000
3	San lấp mặt bằng làm kho bãi tập kết nguyên liệu	1,500,000,000
4	Mở moong, vỉa	1,000,000,000
Tổng Cộng		4,800,000,000

Hiện tại, tổng mức đầu tư trong năm 2017 của công ty là 21,360,000,000 đồng. Công ty dự định sẽ sử dụng:

- 4,968,000,000 đồng: Trích nguồn KHTSCĐ và quỹ ĐTPT
- 16,392,000,000 đồng: vay dài hạn





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị với Ban Giám Đốc
Các kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2016 là một năm có nhiều khó khăn đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó Hội Đồng Quản Trị Công ty đã có những chủ trương, nghị quyết, quyết định đúng đắn phù hợp với từng thời điểm, trên cơ sở sự nhất trí cao giữa các thành viên, từng bước đưa công ty vượt qua khó khăn và đạt được một số thành tựu nhất định, cụ thể:

Nội dung	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Thực hiện/Kế hoạch
Tổng doanh thu	152,459,000,000	166,425,730,723	109.21%
Lợi nhuận sau thuế	9,037,000	12,640,952,983	139.86%

Mặc dù năm 2016 gặp nhiều khó khăn nhưng kết quả đạt và vượt mức cao các chỉ tiêu kế hoạch, thể hiện sự tăng trưởng rõ rệt, chứng tỏ ban điều hành, tập thể người lao động đã có nhiều nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hơn thế nữa, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 là đáng kể, là tích cực, là cơ bản khẳng định sự ổn định và phát triển của công ty đang đi đúng định hướng. Một số chỉ tiêu ấn tượng trong năm 2016:

- Doanh thu: 166 tỷ vượt 9% so với kế hoạch năm 2016
- Lợi nhuận sau thuế: 12 tỷ vượt 39.86% so với kế hoạch năm 2016

Đơn vị đã chủ động, tích cực trong công tác tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, chất lượng sản phẩm được duy trì tốt, khẳng định được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng. Không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và đặc biệt duy trì phát huy tốt thị trường xuất khẩu mang lại hiệu quả cao, tạo tiền đề cho năm 2017.

Công suất máy móc thiết bị được phát huy tối đa, máy móc hoạt động an toàn

Công nợ phải thu khách hàng được quản lý chặt chẽ; theo dõi và phân loại công nợ rõ ràng. Công tác tài chính – kế toán: cơ bản chấp hành được nguyên tắc, chế độ tài chính kế toán và những quy định của pháp luật hiện hành. Khả năng thanh toán nợ của công ty được đảm bảo an toàn, vốn lưu động quay vòng nhanh, giảm được chi phí lãi vay đảm bảo vốn cho sản xuất kinh doanh.

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị với Ban Giám Đốc

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc HĐQT và báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, để đạt được chỉ tiêu theo kỳ vọng.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD đã triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh tại công ty, kết quả kinh doanh năm 2016 nhìn chung đạt được các mục tiêu đề ra, hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2015.

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị với Ban Giám Đốc (tiếp)

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty; tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Các chỉ tiêu cơ bản về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty.

Trong năm 2016 với tình hình kinh tế khó khăn, nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để hoàn thành các chiến lược đề ra, chấp hành tốt các nghị quyết của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước. Phát huy tối đa năng lực của công ty.

Kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt, các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chiến lược:

- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện mọi giải pháp sản xuất kinh doanh hiệu quả đảm bảo công suất và chất lượng theo yêu cầu
- Quyết liệt triển khai các biện pháp đáp ứng yêu cầu nhanh chóng thu hồi công nợ đảm bảo vốn cho SXKD
- Duy trì và phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt chú trọng thị trường xuất khẩu
- Triển khai khai thác và đầu tư mỏ đá Châu Hồng, đảm bảo chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định sản xuất lâu dài của đơn vị

Quản lý:

- Quản lý chặt chẽ vật tư, nhiên liệu, nhân công, giảm thiểu chi phí phát sinh lãng phí;
- Luôn cập nhật các phương án quản lý mới, hiện đại áp dụng trực tiếp vào điều hành sản xuất chung của Công ty

Quản trị công ty:

- Chỉ đạo quyết liệt và thực hiện hiệu quả công tác điều hành thông qua các báo cáo quản trị hàng tháng của các bộ phận quản lý sản xuất trực tiếp
- Đặt trọng tâm sắp xếp nhân sự và sự kiện tổ chức toàn công ty
- Chỉ đạo rà soát các quy chế do HĐQT đã ban hành hiện áp dụng chưa hợp lý, từ đó tiến hành bổ sung, sửa đổi lấy ý kiến để phê duyệt ban hành;
- Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị

Ban Kiểm Soát

Các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, ban Kiểm Soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị:

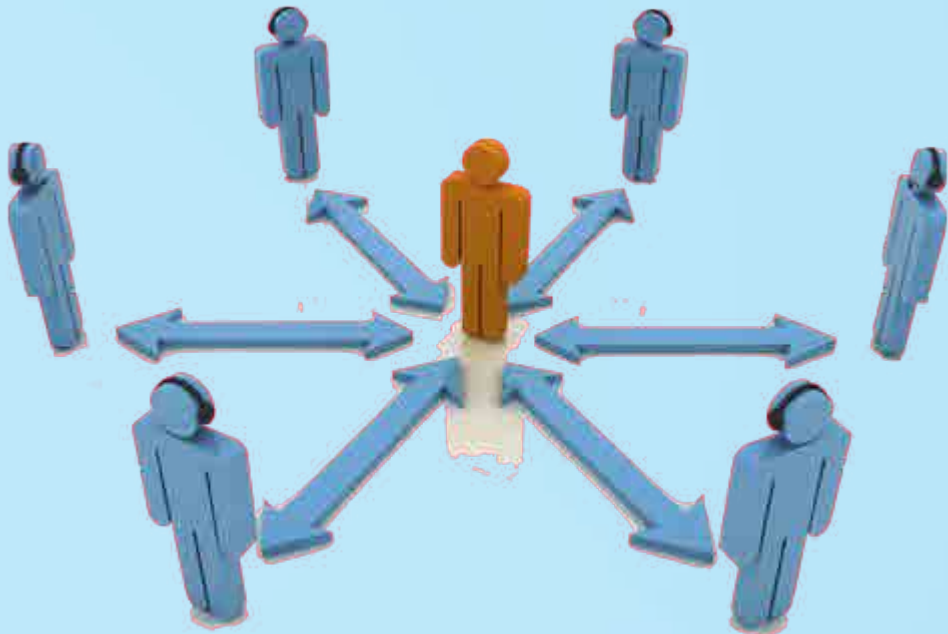
STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	
			Đại diện	Cá nhân
1	Lê Đình Danh	Chủ tịch HĐQT	700,000	61,000
2	Hoàng Trọng Diên	Ủy viên HĐQT	440,000	15,000
3	Nguyễn Văn Chương	Ủy viên HĐQT		1,000
4	Nguyễn Trung Thành	Ủy viên HĐQT		5,000
5	Lê Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT		13,200

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Hội đồng quản trị có cử 1 thư ký để giúp hội đồng quản trị các công việc chuyên môn.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện quy chế họp định kỳ hàng quý, trong năm 2016 đã tổ chức được 4 phiên họp, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch	04	100%	
Ông Hoàng Trọng Diên	Ủy viên	04	100%	
Ông Nguyễn Trung Thành	Ủy viên	03	75%	Đi công tác
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên	01	25%	Đi công tác
Ông Nguyễn Văn Chương	Ủy viên	04	100%	



Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT2016	18/03/2016	- Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. - Thông qua Kế hoạch SXKD quý 2 năm 2016. - Thông qua phương án phân phối LN năm 2015 - Thông qua kế hoạch ĐHCĐ năm 2016
2	02/NQHĐQT2016	09/05/2016	Thông qua Báo cáo tài chính Quý I năm 2016
3	03/NQHĐQT2016	26/09/2016	- Thông qua Báo cáo tài chính Quý II năm 2016 - Thông qua Báo cáo tài chính Quý III năm 2016
4	04/NQHĐQT2016	24/11/2016	Thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2017.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty.
- Năm 2016, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.
- Thành viên của HĐQT độc lập gồm ông Lê Đình Danh và ông Lê Mạnh Hùng. Trong năm 2016, các thành viên này có tham gia cùng với thành viên khác của HĐQT giải quyết các vấn đề phải thông qua HĐQT

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban GD:

- Định hướng có hiệu quả kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo các chỉ tiêu chính sách bám sát kế hoạch
- HĐQT công ty đã sát sao trong việc giao nhiệm vụ cho ban Giám đốc triển khai. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm và yêu cầu thực hiện lập chế độ báo cáo định kỳ cũng như thường xuyên đảm bảo kịp thời trong việc xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty
- Triển khai áp dụng các công cụ quản lý hiện đại ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thông suốt về mặt thông tin giữa cấp quản lý cao nhất tới cấp quản lý thấp nhất, từ đó điều chỉnh phương pháp quản trị hiệu quả.
- Chỉ đạo thành lập bộ phận tiếp thị thị trường tham mưu cho ban Giám đốc và Hội Đồng Quản Trị các dự án đầu tư, mở rộng thị trường kinh doanh cho Công ty
- Giám sát chặt chẽ, thường xuyên kiện toàn bộ máy lãnh đạo từ các phòng ban đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Ghi chú
Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban	5.000	
Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	0	
Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	10.000	

Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động Công ty, góp phần đóng góp ý kiến để giải quyết các khó khăn phát sinh trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016;
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2016 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty;
- Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

Kết quả làm việc của ban Kiểm Soát:

- Năm 2016 tuy vẫn là một năm khó khăn chung của nền kinh tế nhưng Tập đoàn đã hoàn thành được gần như đầy đủ các mục tiêu chính đã thông qua trong nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016.
- Công ty đã chi trả cổ tức 2015: 35% bằng tiền mặt theo đúng Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên 2015 phê chuẩn.
- Kết quả kinh doanh năm 2016: doanh thu đạt 166 tỷ đồng, hoàn thành 109% kế hoạch năm và tăng 2.6% so với 2015. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 12.64 tỷ đồng, hoàn thành 139.86% so kế hoạch và tăng 2.39% so với 2015. Đây là một kết quả hết sức khả quan mặc dù nền kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều biến động trong năm 2015.
- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: năm 2016 Công ty đã chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo qui định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt.

Các phiên họp của ban Kiểm Soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban	04	100%	
2	Trần thị Hồng Thái	Thành viên	04	100%	
3	Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	04	100%	

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao trong năm	Thưởng BĐH(*)
1	Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch HĐQT	78,776,439	40,000,000
2	Ông Hoàng Trọng Diên	Ủy viên HĐQT	59,082,329	40,000,000
3	Ông Nguyễn Trung Thành	Ủy viên HĐQT	59,082,329	34,000,000
4	Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	59,082,329	34,000,000
5	Ông Nguyễn Văn Chương	Ủy viên HĐQT	59,082,329	34,000,000
6	Nguyễn Văn Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	44,415,357	0
7	Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	33,311,518	0
8	Nguyễn Thành Hưng	Thành viên BKS	33,311,518	34,000,000

(*): Đây là thưởng cho những thành viên hoạt động trong công ty có vị trí quản lý.



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2016

THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty cổ phần khoáng sản AMC, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động... các bên liên quan khác.

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 155 của bộ Tài Chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2016, bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty tiến hành lập Báo cáo Phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 155 của bộ Tài Chính

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực khoáng sản và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong Báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong Báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực khoáng sản

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty cổ phần khoáng sản Á Châu
Địa chỉ: Lô 32, Khu C, KCN Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: +84 238 3791 777

Fax: +84 238 3791 555

Email: amc@amcvina.vn

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG ĐIỆN VÀ NƯỚC

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quán triệt cho toàn thể CBCNV Công ty ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên
- Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết
- Cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên
- Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

Công ty luôn hướng đến việc tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước nhờ vào:

- Sử dụng nước đúng mục đích, hợp lý
- Có kế hoạch thay thế, loại bỏ dần phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nhiều nước
- Cải tiến, hợp lý hóa quy trình sử dụng nước; áp dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị tiên tiến trong khai thác, sử dụng nước; tăng khả năng sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; tích trữ nước mưa để sử dụng

Công ty sử dụng 2 nguồn nước chủ yếu:

- Nguồn nước sông suối: dùng để phục vụ cho sản xuất tại mỏ Châu Hồng
- Nguồn nước từ nhà máy nước Nam Cẩm: dùng để phục vụ trụ sở công ty tại khu công nghiệp

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban Lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBCNV, tuân thủ qui định của pháp luật về người lao động. Hơn thế nữa, Công ty có trụ sở đóng tại địa bàn không thuận tiện về giao thông, cách xa các đô thị nên công tác tuyển dụng có gặp những khó khăn nhất định. Chính vì thế, Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

STT	Tiêu chí	Số lượng(người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	26	20.16%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	8	6.20%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	50	38.76%
4	Lao động phổ thông	45	34.88%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	41	31.78%
2	Lao động gián tiếp	88	68.22%
III	Theo giới tính		
1	Nam	113	87.60%
2	Nữ	16	12.40%
Tổng cộng		129	

Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều theo chế độ hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động mà có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn. Các chính sách đối với người lao động được thực hiện và tuân thủ theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước. Giờ làm việc tại Công ty là 08 giờ/ngày. Người sử dụng lao động cam kết thực hiện các chế độ, chính sách lương thưởng đãi ngộ và tạo môi trường làm việc an toàn, thoải mái và có lợi cho người lao động. Ngược lại, người lao động phải đảm bảo tuân thủ các quy định làm việc và nội quy của Công ty

Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động toàn Công ty, riêng lao động trực tiếp được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Hơn nữa, Công ty còn trích quỹ phúc lợi mua bảo hiểm con người cho người lao động.

Chi quỹ phúc lợi động viên người lao động trong những dịp nghỉ lễ tết, hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn bị mắc bệnh hiểm nghèo. Trích quỹ khen thưởng động viên kịp thời người

lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động.

Trong năm 2016, Công ty đã tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định của Thông tư 27/TT- BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ lao động thương binh xã hội.

Công ty thường xuyên tổ chức huấn luyện, nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên. Nguồn nhân lực được tập trung huấn luyện nhiều nhất là công nhân vì chủ yếu làm việc về kỹ thuật và máy móc. Các trường hợp được cử đi học các lớp chuyên môn, nghiệp vụ ngăn ngừa theo đề nghị hoặc theo yêu cầu của Tổng Giám đốc Công ty sẽ được thanh toán theo quy định của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo do các đơn vị có uy tín trong và ngoài nước tổ chức, với các chương trình đào tạo xuyên suốt toàn hệ thống trong việc thực hiện mục tiêu hướng tới khách hàng của Công ty.

Với nhu cầu phát triển không ngừng của xã hội hiện nay, thị trường lao động đang dần chuyển sang xu hướng chú trọng đến hiệu quả công việc, trong khi đó nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu quả công việc phụ thuộc rất lớn vào chiến lược phát triển và gìn giữ nhân tài. Điều này rất cần thiết không chỉ cho các công ty đa Quốc gia mà cho cả các doanh nghiệp Việt Nam hiện đang cạnh tranh gay gắt để có được đội ngũ nhân viên giỏi chuyên môn và đồng hành gắn bó lâu dài cùng doanh nghiệp. Ý thức được điều này, Công ty luôn coi các giải pháp về phúc lợi cho người lao động là một phần không thể thiếu trong chiến lược gìn giữ, phát triển nhân tài, gia tăng năng lực cạnh tranh và sẵn sàng đưa vị thế Công ty lên một tầm cao mới.

Quản trịet chỉ thị 34/CT/ TW ngày 07/4/2004 của Bộ chính trị về việc tiếp tục đổi mới đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, công tác thi đua khen thưởng đã đi vào nề nếp. Thường trực thi đua đã thường xuyên kiểm tra đôn đốc của các đơn vị, đề xuất khen thưởng đột xuất cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất đã có tác dụng động viên thi đua.

Thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng. Kết hợp chặt chẽ thi đua với khen thưởng theo phương châm “Thi đua là gieo trồng, khen thưởng là thu hoạch”. Thực hiện nghiêm túc quy trình bình bầu, xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng bảo đảm đúng tiêu chuẩn, công

khai, minh bạch, chính xác, kịp thời. Kiên quyết khắc phục các biểu hiện phô trương, hình thức, bệnh thành tích. Chú trọng khen thưởng các tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất được tôn vinh, khen thưởng, có tác dụng nêu gương và giáo dục.

Thông qua các phong trào thi đua phát hiện, xây dựng các điển hình tiên tiến; chú trọng thực hiện đồng bộ cả 4 khâu: Phát hiện - bồi dưỡng - tổng kết - nhân điển hình tiên tiến, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm trong đổi mới phương thức tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua hiện nay.

Công khai các thủ tục về công tác thi đua, khen thưởng, phù hợp với chủ trương chung,

gắn với trách nhiệm của từng phòng chức năng và NLD. Công bố các hình thức khen thưởng cho NLD được biết và tiến hành tổ chức trao tặng theo nghi thức cấp trên quy định và tiết kiệm. Công tác phát động phong trào thi đua được thực hiện thường xuyên theo từng chuyên đề, hưởng ứng theo từng đợt mà Tổng Công ty phát động.

Công ty đã tham gia đầy các cuộc họp, nội dung hoạt động và các chế độ báo cáo của Tổng Công ty cũng như Khối giao ước thi đua.

Công tác thành lập, kiện toàn Hội đồng thi đua - Khen thưởng, xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua - Khen thưởng, quy định về xét khen thưởng luôn được chú trọng.

The background of the slide features a blue-tinted image of financial documents. It includes a bar chart at the top with years from 1997 to 2002 on the x-axis and values ranging from 0.24 to 2.35. Below this is a line graph with a jagged line. In the foreground, there's another bar chart with a y-axis labeled 200 and 400. A silver pen lies horizontally across the middle-right of the page.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2016

Báo cáo của ban Giám Đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

NGUY
N VN
CHNG

Digitally signed by
NGUYEN VN
CHNG
Date: 2017.03.13
09:46:50 +07:00

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

1. Thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây được viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Ngày 29/5/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất với mã số doanh nghiệp là 2900859599.

Tên tiếng Anh: ASIA MINERAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: AMC.

Mã chứng khoán niêm yết: AMC.

Trụ sở chính của Công ty: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn góp của Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016 là 28.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Diên	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Trọng Diên	Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Văn Chương	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4. Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC).

5. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Nghệ An, ngày 08 tháng 3 năm 2017

Đại diện Ban Giám đốc


Giám đốc
Hoàng Trọng Diên

CH
ON
TIE
DUC
31/12/17



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 369A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 160636/BCKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu, được lập ngày 24/02/2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2017

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &
DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kiểm toán viên

(Chữ ký)

Phạm Anh Dũng
Số giấy CNĐKHNKT: 2927-2014-005-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Phó Giám đốc



Vũ Khắc Chuyên

Số giấy CNĐKHNKT: 0160-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor, E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St., Cầu Giấy Dist., Hà Nội
Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0045 Email: aishn@ha.vina.vn
Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St., Thanh Khê Dist., Đà Nẵng
Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620 Email: aisc@dong.vina.vn
Representative in Cần Thơ : 488/243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City
Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765
Representative in Hải Phòng : 16 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng
Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.081.296.754	40.430.906.859
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.106.708.811	5.325.857.012
1. Tiền	111		3.106.708.811	5.325.857.012
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.860.966.913	23.988.231.856
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	21.279.870.662	23.435.410.352
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	80.410.000	1.074.697.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	200.783.139	226.736.567
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.3	(700.096.888)	(748.612.063)
IV. Hàng tồn kho	140		9.434.366.439	10.314.388.732
1. Hàng tồn kho	141	V.6	9.434.366.439	10.314.388.732
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		679.254.591	802.429.259
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	623.465.631	282.298.541
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	520.004.425
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	55.788.960	126.293
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.261.190.802	49.830.905.376
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		998.528.739	390.868.800
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	998.528.739	390.868.800
II. Tài sản cố định	220		45.694.083.658	40.465.325.775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	43.021.801.035	39.803.788.008
Nguyên giá	222		73.986.626.144	65.569.826.302
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.964.825.109)	(25.766.038.294)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.672.282.623	661.537.767
Nguyên giá	228		3.200.254.101	1.134.381.101
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(527.971.478)	(472.843.334)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	8.197.802.931
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	0	8.197.802.931
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.568.578.405	776.907.870
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.568.578.405	776.907.870
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84.342.487.556	90.261.812.235

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.377.104.467	41.440.190.941
I. Nợ ngắn hạn	310		34.377.104.467	34.573.705.941
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	14.712.741.099	15.621.523.453
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	100.971.241	99.421.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	255.045.587	170.122.322
4. Phải trả người lao động	314		7.359.077.290	4.882.659.030
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	120.790.295	196.642.401
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	298.874.707	65.031.280
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	11.350.536.180	13.508.927.235
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		179.068.068	29.379.120
II. Nợ dài hạn	330		0	6.866.485.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	0	6.866.485.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.965.383.089	48.821.621.294
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	49.965.383.089	48.821.621.294
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28.500.000.000	28.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		28.500.000.000	28.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.820.532.346	8.060.731.815
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.644.850.743	12.260.889.479
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	12.260.889.479
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.644.850.743	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.342.487.556	90.261.812.235

Nghệ An, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương

Hoàng Trọng Diên

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	166.425.730.723	162.214.595.860
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	36.318.182	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	166.389.412.541	162.214.595.860
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	100.765.319.105	92.696.059.497
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.624.093.436	69.518.536.363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	152.062.212	130.559.024
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	990.729.227	1.543.594.050
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		766.531.050	810.663.620
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	43.275.899.677	47.721.351.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	8.060.660.489	7.406.387.465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.448.866.255	12.977.762.037
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6.000	29.708.426
12. Chi phí khác	32	VI.9	117.813.256	80.529.822
13. Lợi nhuận khác	40		(117.807.256)	(50.821.396)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.331.058.999	12.926.940.641
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	686.208.256	666.051.162
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.644.850.743	12.260.889.479
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3.887,85	3.766,60
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	3.887,85	3.766,60

Nghệ An, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	181.019.369.257	166.333.707.713
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(127.638.247.164)	(126.706.752.814)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.007.671.667)	(19.691.369.510)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(850.049.463)	(314.204.695)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(736.153.870)	(614.134.141)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	667.095.791	4.941.472.657
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.903.485.065)	(10.578.613.145)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.550.857.819	13.370.106.065
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(2.815.585.143)	(12.558.335.942)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	159.532.544	0
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.143.512	17.187.154
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.646.909.087)	(12.541.148.788)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	29.440.349.893	33.100.817.993
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(38.588.525.832)	(27.771.263.838)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.975.000.000)	(7.980.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.123.175.939)	(2.650.445.845)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.219.227.207)	(1.821.488.568)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.325.857.012	7.146.535.931
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	79.006	809.649
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.106.708.811	5.325.857.012

Nghệ An, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây được viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Ngày 29/5/2015 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất với mã số doanh nghiệp là 2900859599.

Tên tiếng Anh: ASIA MINERAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: AMC.

Trụ sở chính của Công ty: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn góp của Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2016 là 28.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

2. Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Mã chứng khoán niêm yết: AMC.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

4. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn các loại;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31/12/2016: 110 nhân viên (tại ngày 31/12/2015 là 107 người).**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán độc lập so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II- KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại ngày 31/12/2016:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ chuyển khoản của các Ngân hàng nơi Công ty có mở tài khoản.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản của các Ngân hàng nơi Công ty có mở tài khoản.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ được sử dụng với chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc vào tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền tháng.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có quyền khai thác mỏ đá.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra để được cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
Quyền khai thác mỏ	20 năm
Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	6 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: cước vận chuyển hàng hóa; chi phí lãi tiền vay; các chi phí sử dụng dịch vụ khác.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 02 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*. Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ kế toán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Theo Quyết định số 85/2007/QĐ-TTg ngày 11/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An, Khu kinh tế được hưởng các ưu đãi áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với hàng bán trong nước là: 10%, thuế suất thuế GTGT cho hàng xuất khẩu là: 0%

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 791 777 Fax: 038 791 555

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt tại quỹ	7.148.942	89.912.947
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	3.099.559.869	5.235.944.065
Cộng	3.106.708.811	5.325.857.012

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	Ngoại tệ	đ	Ngoại tệ	đ
Tiền gửi Việt Nam đồng		3.079.887.964		4.915.145.569
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh		398.803.157		2.212.078.405
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh		2.655.033.831		2.693.705.376
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An		4.474.330		9.361.788
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành phố Vinh		21.576.646		0
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	867,17	19.671.905	14.286,19	320.798.496
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh	315,91	7.152.202	7.352,98	165.147.931
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh	305,04	6.930.509	6.686,99	150.122.926
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	246,22	5.589.194	246,22	5.527.639
Cộng	867,17	3.099.559.869	14.286,19	5.235.944.065

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.279.870.662	700.096.888	23.435.410.352	748.612.063
Công ty 4 Oranges Co., Ltd	4.544.386.500	0	7.848.880.000	0
Công ty Cổ phần Hóa chất HP	2.703.299.000	0	521.120.000	0
Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	1.950.350.000	0	1.703.894.000	0
Công ty Cổ phần Thương Mại Hoà Chất Minh Khang	1.655.580.000	0	1.632.647.000	0
Công ty TNHH MTV Provimi	1.110.746.000	0	0	0
Công ty Cổ Phần Nhựa Châu Âu	186.010.000	0	5.246.544.204	0
Khách hàng khác	9.129.499.162	700.096.888	6.482.325.148	748.612.063
Cộng	21.279.870.662	700.096.888	23.435.410.352	748.612.063

17

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 791 777 Fax: 038 791 555

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Trả trước cho người bán ngắn hạn	80.410.000	0	1.074.697.000	0
Công ty TNHH Công nghệ mới Nguyễn Vinh	0	0	345.697.000	0
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	80.410.000	0	0	0
Công ty TNHH Xây dựng Huy Bình	0	0	729.000.000	0
Cộng	80.410.000	0	1.074.697.000	0

4. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	200.783.139	0	226.736.567	0
Tam ứng cho CBCNV	73.052.065	0	97.377.196	0
Hoàng Thị Huyền	57.760.900	0	56.839.900	0
Các đối tượng khác	15.291.165	0	40.537.296	0
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	127.731.074	0	129.359.371	0
b. Dài hạn	998.528.739	0	390.868.800	0
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	975.670.139	0	387.037.200	0
Lãi Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	22.858.600	0	3.831.600	0
Cộng	1.199.311.878	0	617.605.367	0

5. Nợ xấu

	31/12/2016			01/01/2016		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác		739.824.125	39.727.238		889.824.125	141.212.062
Công ty TNHH Hóa chất DSH	Từ 02 đến 03 năm, đã ngừng hoạt động	607.400.000	0	Từ 01 đến 02 năm	607.400.000	0
Công ty TNHH Thuận Lợi	Từ 02 đến 03 năm	132.424.125	39.727.238	Từ 01 đến 02 năm	282.424.125	141.212.062
Cộng		739.824.125	39.727.238		889.824.125	141.212.062

18

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 791 777 Fax: 038 791 555

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.752.944.183	0	7.458.209.304	0
Công cụ dụng cụ	276.891.688	0	112.044.441	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	0	0	105.745.584	0
Thành phẩm	3.373.115.067	0	2.429.785.989	0
Hàng hóa	31.415.501	0	208.603.414	0
Cộng	9.434.366.439	0	10.314.388.732	0

7. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a- Ngắn hạn	623.465.631	282.298.541
Công cụ dụng cụ	244.693.604	104.581.301
Chi phí bảo hiểm	44.971.730	29.508.000
Chi phí sửa chữa	0	8.677.841
Chi phí vận chuyển	311.823.639	41.578.181
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	21.976.658	97.953.218
b- Dài hạn	3.568.578.405	776.907.870
Công cụ dụng cụ	1.224.915.972	704.483.359
Chi phí sửa chữa	71.540.433	72.424.511
Chi phí cấp Quyền khai thác khoáng sản mỏ Châu Hồng	2.272.122.000	0
Cộng	4.192.044.036	1.059.206.411

8. Tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	18.071.022.182	43.126.643.128	4.291.827.694	80.333.298	65.569.826.302
Mua trong năm	0	0	366.363.636	0	366.363.636
Đầu tư XD/CB hoàn thành	6.812.260.791	1.403.446.539	0	0	8.215.707.330
Phân loại lại	0	(457.318.685)	457.318.685	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	(165.271.124)	0	0	(165.271.124)
Tại ngày 31/12/2016	24.883.282.973	43.907.499.858	5.115.510.015	80.333.298	73.986.626.144
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	5.908.108.018	18.006.240.554	1.804.553.391	47.136.331	25.766.038.294
Khấu hao trong năm	1.242.645.234	3.416.904.286	535.430.415	9.545.460	5.204.525.395
Phân loại lại	0	(409.648.143)	409.648.143	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	(5.738.580)	0	0	(5.738.580)
Tại ngày 31/12/2016	7.150.753.252	21.007.758.117	2.749.631.949	56.681.791	30.964.825.109
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	12.162.914.164	25.120.402.574	2.487.274.303	33.196.967	39.803.788.008
Tại ngày 31/12/2016	17.732.529.721	22.899.741.741	2.365.878.066	23.651.507	43.021.801.035

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 791 777 Fax: 038 791 555

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.531.627.669 đồng.
- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2016 nhưng vẫn còn sử dụng: 2.550.961.999 đồng

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền khai thác mỏ	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.065.873.000	0	2.065.873.000
Tại ngày 31/12/2016	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	441.025.152	31.818.182	472.843.334
Khấu hao trong năm	55.128.144	0	55.128.144
Tại ngày 31/12/2016	496.153.296	31.818.182	527.971.478
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	661.537.767	0	661.537.767
Tại ngày 31/12/2016	2.672.282.623	0	2.672.282.623

- Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao ngày 31/12/2016 nhưng vẫn còn sử dụng: 31.818.182 đồng

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
b- Xây dựng cơ bản dở dang	0	8.197.802.931
Kho chứa vật liệu	0	187.973.118
Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	0	1.963.024.545
Chi phí thăm dò khoáng sản, xin cấp phép mỏ đá Châu Hồng	0	3.106.930.364
Chi phí mở đường, moong, via, khai trường tại mỏ đá Châu Hồng	0	2.000.000.000
Dự án mở rộng dây chuyền nghiền đá	0	939.874.904
Cộng	0	8.197.802.931

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 791 777 Fax: 038 791 555

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	14.712.741.099	14.712.741.099	15.621.523.453	15.621.523.453
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu	2.807.068.000	2.807.068.000	0	0
Công ty Cổ Phần Nhật Việt	2.384.344.000	2.384.344.000	3.469.150.849	3.469.150.849
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông á	1.693.410.087	1.693.410.087	3.069.768.588	3.069.768.588
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Duy Anh	1.095.425.700	1.095.425.700	86.236.500	86.236.500
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Làng Sen	1.069.753.312	1.069.753.312	0	0
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	629.046.720	629.046.720	968.755.482	968.755.482
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu tại Nghệ An	217.000.000	217.000.000	2.458.256.000	2.458.256.000
Các nhà cung cấp khác	4.816.693.280	4.816.693.280	5.569.356.034	5.569.356.034
Cộng	14.712.741.099	14.712.741.099	15.621.523.453	15.621.523.453

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khách hàng khác	100.971.241	100.971.241	99.421.100	99.421.100
Cộng	100.971.241	100.971.241	99.421.100	99.421.100

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 791 777 Fax: 038 791 555

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa		0	1.027.048.948	966.324.509		60.724.439
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		0	92.364.612	92.364.612		0
Thuế TNDN	140.484.762		686.208.256	736.153.870		90.539.148
Thuế TNCN	3.668.000		405.624.471	409.292.471		0
Thuế tài nguyên	12.003.795		593.284.095	521.891.640		83.396.250
Tiền thuê đất		0	433.456.000	433.456.000		0
Phí bảo vệ môi trường		13.965.765	179.656.785	173.236.800		20.385.750
Thuế môn bài		0	5.000.000	5.000.000		0
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		0	1.371.719.372	1.371.719.372		0
Thuế xuất khẩu	126.293		2.785.505.922	2.841.168.589	55.788.960	
Thuế nhập khẩu		0	27.446.125	27.446.125		0
Cộng	126.293	170.122.322	7.607.314.586	7.578.053.988	55.788.960	255.045.587

14. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
a- Ngắn hạn	120.790.295	196.642.401
Chi phí lãi vay phải trả	3.523.400	87.672.910
Chi phí vận chuyển phục vụ bán hàng	0	64.698.182
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	117.266.895	44.271.309
Cộng	120.790.295	196.642.401

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 791 777 Fax: 038 791 555

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
a- Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan	230.934.278	10.938.110
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	7.868.920	10.938.110
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	223.065.358	0
Phải trả đơn vị và cá nhân khác	67.940.429	54.093.170
Kinh phí công đoàn	13.055.025	38.106.170
BHXX, BHYT & BHTN	24.081.952	0
Các khoản phải trả khác	30.803.452	15.987.000
Cộng	298.874.707	65.031.280

16. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Vay ngắn hạn	11.350.536.180	11.350.536.180	29.638.731.763	31.797.122.818	13.508.927.235	13.508.927.235
Vay ngắn hạn	11.350.536.180	11.350.536.180	29.638.731.763	28.772.172.818	10.483.977.235	10.483.977.235
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh [1]	4.911.047.016	4.911.047.016	11.925.439.693	14.008.317.362	6.993.924.685	6.993.924.685
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành phố Vinh [2]	3.299.027.164	3.299.027.164	3.299.027.164	0	0	0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh [3]	3.140.462.000	3.140.462.000	14.414.264.906	14.763.855.456	3.490.052.550	3.490.052.550
Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	0	3.024.950.000	3.024.950.000	3.024.950.000
b- Dài hạn	0	0	2.290.500	6.868.775.500	6.866.485.000	6.866.485.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh	0	0	2.290.500	6.868.775.500	6.866.485.000	6.866.485.000
Cộng	11.350.536.180	11.350.536.180	29.641.022.263	38.665.898.318	20.375.412.235	20.375.412.235

[1] Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0083.HDTD2-404.16 ngày 30/12/2016, trong đó: Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân; Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến sản phẩm bột đá vôi trắng; Tài sản đảm bảo bao gồm: 01 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn, hàng tồn kho luân chuyển chốt giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng tại mọi thời điểm và khoản phải thu từ các hợp đồng đầu ra chốt giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng tại mọi thời điểm. Số dư vay tại ngày 31/12/2016 là 215.208,02 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32, khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm,
xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 791 777 Fax: 038 791 555

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

[2] Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/HDTDHM/NHCT442- Á CHÂU ngày 10/11/2016, trong đó: Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng; Thời gian duy trì hạn mức từ 10/11/2016 đến hết ngày 09/11/2017; Thời hạn cho vay của từng khoản nợ ghi rõ trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày rút vốn; lãi suất cho vay thả nổi, được ghi rõ trên giấy nhận nợ; Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Số dư vay tại ngày 31/12/2016 là 144.821,21 USD.

[3] Hợp đồng tín dụng từng lần số 05/2016/5002/TM/AMC ngày 13/7/2016; trong đó: số tiền cam kết cho vay là 269.300 USD, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 2,5%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn; Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/7/2013; Số dư vay tại ngày 31/12/2016 là 137.800 USD.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	28.500.000.000	7.776.519.735	9.515.791.200	45.792.310.935
Lợi nhuận năm trước	0	0	12.260.889.479	12.260.889.479
Trích lập các quỹ	0	284.212.080	(1.535.791.200)	(1.251.579.120)
Chia cổ tức	0	0	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	8.060.731.815	12.260.889.479	48.821.621.294
Số dư đầu năm nay				
Lợi nhuận năm nay	0	0	12.644.850.743	12.644.850.743
Trích lập các quỹ (*)	0	759.800.531	(2.285.389.479)	(1.526.088.948)
Chia cổ tức (*)	0	0	(9.975.000.000)	(9.975.000.000)
Số dư cuối năm nay	28.500.000.000	8.820.532.346	12.644.850.743	49.965.383.089

(*): Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 05/AMC-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 - Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu:

- Tổng lợi nhuận sau thuế 2015	12.260.889.479
+ Chi cổ tức cho cổ đông năm 2015 (35% VDL)	9.975.000.000
+ Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	300.000.000
+ Trích 10% Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.226.088.948
+ Phần còn lại trích Quỹ đầu tư phát triển	759.800.531

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Tổng công ty Hợp tác Kinh tế	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
Cộng	28.500.000.000	28.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28.500.000.000	28.500.000.000
+ Vốn góp đầu năm	28.500.000.000	28.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	28.500.000.000	28.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.975.000.000	7.980.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.850.000	2.850.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	8.820.532.346	8.060.731.815
Cộng	8.820.532.346	8.060.731.815

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a- Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
USD	867,17	14.286,19
Cộng	867,17	14.286,19

b- Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
DNTN Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Tân Hải Nam	540.189.862	540.189.862
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát Gia Nguyễn	487.648.930	487.648.930
Công ty Cổ phần Tập đoàn ATA	64.335.285	64.335.285
Công ty TNHH Hóa dược Hoàng An	240.536.227	240.536.227
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hà Bình	65.269.286	65.269.286
Công ty TNHH Nhựa Quang Minh	111.339.072	111.339.072
Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh	24.889.524	24.889.524
Cộng	1.534.208.186	1.534.208.186

25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán hàng hóa	37.471.425.988	37.165.682.651
Doanh thu bán thành phẩm	128.600.257.599	124.680.261.596
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	354.047.136	368.651.613
Cộng	166.425.730.723	162.214.595.860

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	36.318.182	0
Cộng	36.318.182	0

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	37.435.107.806	37.165.682.651
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	128.600.257.599	124.680.261.596
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ vận chuyển	354.047.136	368.651.613
Cộng	166.389.412.541	162.214.595.860

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn bán hàng hóa	28.079.899.349	26.331.128.218
Giá vốn bán thành phẩm	72.506.030.797	66.208.388.974
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	179.388.959	156.542.305
Cộng	100.765.319.105	92.696.059.497

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.143.512	17.187.154
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	123.891.700	109.540.270
Lãi tiền ký quỹ, cái tạo, phục hồi môi trường	19.027.000	3.831.600
Cộng	152.062.212	130.559.024

26

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	766.531.050	810.663.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	99.782.893	438.441.430
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	119.423.006	294.489.000
Chi phí tài chính khác	4.992.278	0
Cộng	990.729.227	1.543.594.050

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016	Năm 2015
a- Chi phí bán hàng	43.275.899.677	47.721.351.835
Chi phí nhân viên	363.218.000	204.659.600
Chi phí vật liệu, bao bì	785.247.674	1.024.196.724
Chi phí công cụ, đồ dùng	967.260.687	1.379.926.964
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.913.511	34.623.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.647.009.250	43.398.264.501
Chi phí bằng tiền khác	3.501.250.555	1.679.680.410
b- Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.135.660.489	7.406.387.465
Chi phí nhân viên quản lý	5.624.476.316	4.531.537.640
Chi phí vật liệu quản lý	277.944.150	375.457.456
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.739.724	138.119.808
Chi phí khấu hao TSCĐ	330.675.628	267.779.466
Thuế, phí và lệ phí	234.721.000	10.120.000
Chi phí dự phòng	26.484.825	748.612.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	749.065.525	649.815.915
Chi phí bằng tiền khác	797.553.321	684.945.117
c- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(75.000.000)	0
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(75.000.000)	0
Cộng	51.336.560.166	55.127.739.300

8. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	0	20.000.000
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	0	9.703.971
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	6.000	4.455
Cộng	6.000	29.708.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền phạt hành chính, các khoản thuế chậm nộp	100.676.372	12.750.984
Truy thu thuế GTGT, môn bài, tài nguyên và phí BVMT	0	32.073.091
Xử lý số dư công nợ nhỏ lẻ	136.796	508
Chi phí khác	17.000.088	35.705.239
Cộng	117.813.256	80.529.822

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.776.665.494	37.078.733.624
Chi phí nhân công	26.821.164.433	17.814.749.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.259.653.539	4.648.916.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.494.412.024	82.575.496.595
Chi phí khác bằng tiền	4.035.943.595	5.705.903.092
Cộng	139.387.839.085	147.823.798.797

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.331.058.999	12.926.940.641
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	393.106.112	234.049.258
- Các khoản điều chỉnh tăng	400.033.448	234.858.907
+ Chi phí không hợp lệ	160.850.513	114.418.145
+ Thủ lao HDQT không trực tiếp điều hành	137.858.771	107.919.908
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ	647.792	0
+ Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính	100.676.372	12.520.854
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.927.336)	(809.649)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ	(6.927.336)	(809.649)
Tổng lợi nhuận tính thuế	13.724.165.111	13.160.989.899
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.372.416.511	1.316.098.990
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(686.208.255)	(658.049.495)
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	0	8.001.667
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	686.208.256	666.051.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.644.850.743	12.260.889.479
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.644.850.743	12.260.889.479
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.564.485.074	1.526.088.948
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.887,85	3.766,60

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.644.850.743	12.260.889.479
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.644.850.743	12.260.889.479
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.564.485.074	1.526.088.948
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.887,85	3.766,60

(*): Số liệu trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi lấy theo tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi được thông qua cho năm 2015 và dự kiến cho năm 2016 theo Nghị quyết số 05/AMC-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14.1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016		
Đồng	+100	(82.438.274)
Đồng	-100	82.438.274
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
Đồng	+100	(150.495.552)
Đồng	-100	150.495.552

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động nhỏ so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không thực hiện nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư cổ phiếu nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khác bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

14.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: đ

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2016			
Các khoản vay và nợ	11.350.536.180	0	11.350.536.180
Phải trả người bán	14.712.741.099	0	14.712.741.099
Chi phí phải trả	120.790.295	0	120.790.295
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.610.990	0	27.610.990
Cộng	26.211.678.564	0	26.211.678.564
Tại ngày 01/01/2016			
Các khoản vay và nợ	13.508.927.235	6.866.485.000	20.375.412.235
Phải trả người bán	15.621.523.453	0	15.621.523.453
Chi phí phải trả	196.642.401	0	196.642.401
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.925.110	0	26.925.110
Cộng	29.354.018.199	6.866.485.000	36.220.503.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, một phần nhà cửa vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và hàng tồn kho luân chuyển, các khoản phải thu làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng vào ngày 31/12/2016.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31/12/2016 và ngày 01/01/2016

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: đồng

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.106.708.811	0	5.325.857.012	0
Phải thu khách hàng	21.279.870.662	(700.096.888)	23.435.410.352	(748.612.063)
Phải thu khác	998.528.739	0	390.868.800	0
TỔNG CỘNG	25.385.108.212	(700.096.888)	29.152.136.164	(748.612.063)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	11.350.536.180	0	20.375.412.235	0
Phải trả người bán	14.712.741.099	0	15.621.523.453	0
Chi phí phải trả	120.790.295	0	196.642.401	0
Phải trả khác	27.610.990	0	26.925.110	0
TỔNG CỘNG	26.211.678.564	0	36.220.503.199	0

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2015. Tuy nhiên, Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: đồng

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	Năm 2016	Năm 2015
Tiền thu từ đi vay theo kế ước vay thông thường	29.440.349.893	33.100.817.993
Cộng	29.440.349.893	33.100.817.993

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	Năm 2016	Năm 2015
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước vay thông thường	38.588.525.832	27.771.263.838
Cộng	38.588.525.832	27.771.263.838

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

2. Giao dịch các bên liên quan

a. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương	1.094.281.357	780.252.650
Phụ cấp	459.455.666	361.256.045
Cộng	1.553.737.023	1.141.508.695

b. Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

Bên liên quan khác	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Tại 01/01/2016	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Tại 31/12/2016
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Cổ đông nắm giữ 40% vốn điều lệ	- Tiền thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất phải trả	0	2.089.999.994	2.089.999.994	0
		- Cổ tức năm 2015 phải trả	0	3.990.000.000	3.990.000.000	0
		- Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ Châu Quang năm 2016	0	150.882.000	150.882.000	0
		- Tiền thuê đất mỏ Châu Quang năm 2016	0	204.604.920	196.736.000	7.868.920
		- Tiền bảo hiểm phải nộp về Tổng Công ty	10.938.110	82.445.368	93.383.478	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Thông tin báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty chỉ hoạt động trong 2 lĩnh vực chính là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn và dịch vụ vận chuyển, trong đó dịch vụ vận chuyển chiếm dưới 10% tổng doanh thu thuần. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: bán hàng hóa trong nước và xuất khẩu

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	133.830.181.890	32.559.230.651	166.389.412.541
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	133.830.181.890	32.559.230.651	166.389.412.541
2. Chi phí	127.298.399.989	24.803.479.282	152.101.879.271
Giá vốn	86.007.424.321	14.757.894.784	100.765.319.105
Chi phí phân bổ	41.290.975.668	10.045.584.498	51.336.560.166
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (3 = 1 - 2)	6.531.781.901	7.755.751.369	14.287.533.270
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	294.673.269	71.690.367	366.363.636
5. Tài sản bộ phận	67.838.273.351	16.504.214.205	84.342.487.556
6. Tổng tài sản	67.838.273.351	16.504.214.205	84.342.487.556
7. Nợ phải trả bộ phận	27.650.161.590	6.726.942.877	34.377.104.467
8. Tổng nợ phải trả	27.650.161.590	6.726.942.877	34.377.104.467

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2016 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 được lấy từ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Nghệ An, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lưu Thị Thu

Nguyễn Văn Chương



Hoàng Trọng Diên